

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BỘT MỠ VINAFOOD I**



# **PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

**CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỠ  
VINAFOOD 1**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**



**Hà Nội – T8/2016**

## MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ - BẢNG BIỂU .....	4
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	5
<b>PHẦN I THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP - XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>8</b>
<b>I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY.....</b>	<b>8</b>
1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty.....	8
2. Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty TNHH Một thành viên Bột mì Vinafood 1.....	9
3. Hình thức sở hữu.....	9
4. Ngành nghề kinh doanh.....	9
5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy hiện nay của Công ty.....	10
<b>II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA .....</b>	<b>13</b>
1. Đánh giá môi trường hoạt động của Công ty.....	13
2. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty.....	14
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	15
4. Giá trị sản lượng sản phẩm/dịch vụ qua các năm.....	16
5. Nguồn nguyên vật liệu.....	18
6. Chi phí sản xuất.....	19
7. Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất.....	20
8. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.....	20
9. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	20
10. Hoạt động Marketing.....	21
11. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	21
12. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết.....	21
13. Đánh giá nguồn nhân lực.....	22
14. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trước khi cổ phần hóa.....	23
15. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	27
<b>III. HIỆN TRẠNG VỀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI.....</b>	<b>27</b>
1. Các cơ sở nhà, đất tại số 94 Lương Yên, P.Bạch Đằng, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.....	27
2. Các cơ sở nhà, đất tại khối Tân Hòa, P.Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.....	28
3. Các cơ sở nhà, đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hà Nội.....	28
<b>IV. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>29</b>
1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.....	29
2. Về báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp.....	30
<b>V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TY.....</b>	<b>31</b>

<b>PHẦN II PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA .....</b>	<b>33</b>
<b>I. MỤC TIÊU CỔ PHẦN HÓA .....</b>	<b>33</b>
<b>II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA .....</b>	<b>33</b>
1. Hình thức cổ phần hóa.....	33
2. Thông tin công ty cổ phần.....	33
3. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của công ty cổ phần .....	34
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ .....	36
5. Đối tượng mua cổ phần .....	37
6. Tổ chức bán cổ phần .....	39
7. Chi phí cổ phần hóa.....	39
8. Quản lý và sử dụng số tiền thu được từ cổ phần hóa .....	40
9. Sắp xếp lại lao động .....	41
10. Phương án sử dụng đất đai .....	43
<b>III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA. 45</b>	<b>45</b>
1. Một số dự báo.....	45
2. Mục tiêu và định hướng phát triển công ty cổ phần:.....	45
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	46
<b>IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN .....</b>	<b>49</b>
1. Giải pháp về sản phẩm và thị trường: .....	49
2. Giải pháp về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ .....	50
3. Giải pháp về tài chính, vốn.....	50
4. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp .....	50
5. Giải pháp về đầu tư phát triển sản xuất .....	51
6. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực .....	51
<b>V. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN.. 52</b>	<b>52</b>
<b>VI. NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA..... 52</b>	<b>52</b>
1. Khó khăn của đợt chào bán .....	52
2. Khó khăn do cơ chế, chính sách chuyển đổi doanh nghiệp .....	52
3. Khó khăn khác.....	52
<b>PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>53</b>
<b>I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN..... 53</b>	<b>53</b>
1. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa: .....	53
2. Hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần .....	53
3. Đăng ký giao dịch và niêm yết.....	53
<b>II. KIẾN NGHỊ..... 54</b>	<b>54</b>

# DANH MỤC SƠ ĐỒ - BẢNG BIỂU

## A. DANH MỤC SƠ ĐỒ

SƠ ĐỒ 1: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV .....	11
SƠ ĐỒ 2: DỰ KIẾN MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN .....	35

## B. DANH MỤC BẢNG BIỂU

BẢNG BIỂU 1 : Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm.....	16
BẢNG BIỂU 2 : Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm dịch vụ.....	17
BẢNG BIỂU 3 : Cơ cấu chi phí.....	19
BẢNG BIỂU 4 : Một số hợp đồng tiêu biểu.....	21
BẢNG BIỂU 5: Chất lượng nguồn nhân lực qua các năm .....	22
BẢNG BIỂU 6: Thu nhập bình quân của người lao động Công ty qua các năm .....	22
BẢNG BIỂU 7: Thực trạng về tài chính Công ty giai đoạn 2011 – 2013 .....	23
BẢNG BIỂU 8: Bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh Công ty.....	26
BẢNG BIỂU 9: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	29
BẢNG BIỂU 10: Cơ cấu vốn điều lệ - Công ty cổ phần .....	36
BẢNG BIỂU 11: Dự toán chi phí cổ phần hóa doanh nghiệp.....	39
BẢNG BIỂU 12: Tính toán tiền thu từ cổ phần hóa.....	40
BẢNG BIỂU 13: Kế hoạch sắp xếp lao động của doanh nghiệp.....	42
BẢNG BIỂU 14: Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại tại doanh nghiệp.....	42
BẢNG BIỂU 15: Một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh của .....	47

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCTC	: Báo cáo tài chính
Bộ NN & PTNT	: Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
Công ty/VNF1 FLOUR	: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bột mì Vinafood 1
CPH	: Cổ phần hóa
DTT	: Doanh thu thuần
DNNN	: Doanh nghiệp nhà nước
ĐMDN	: Đổi mới doanh nghiệp
HĐTV	: Hội đồng thành viên
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
NN	: Nhà nước
NLD	: Người lao động
QLDA	: Quản lý dự án
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TNHH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Tổng công ty	: Tổng công ty Lương thực Miền Bắc

*Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2016*

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**  
**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**  
**BỘT MỖ VINAFOOD I**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Căn cứ Nghị định số 116/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Chính phủ về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 1360/QĐ-TTg ngày 17/8/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Bắc;

Căn cứ Công văn số 242/BNN-QLDN ngày 12/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 29/02/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1;

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 24/05/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc về việc điều chỉnh bổ sung nhân sự Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-TCTLTMB-BCĐ ngày 11/03/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Bột mì Vinafood 1;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-TCTLTMB-BCĐ ngày 30/05/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 về việc thay đổi, bổ sung nhân sự Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1;

Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 22/06/2016 của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Bột mì Vinafood 1;

Căn cứ Biên bản Hội nghị người lao động thông qua Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Bột mì Vinafood 1 ngày 27/07/2016;

Căn cứ nội dung cuộc họp Ban chỉ đạo CPH Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 ngày 15/08/2016 tại Văn phòng Tổng Công ty Lương thực miền Bắc.

Công ty TNHH Một thành viên Bột mì Vinafood 1 đã xây dựng Phương án cổ phần hóa cụ thể như sau:

## PHẦN I

### THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP - XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

#### I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BỘT MỠ VINAFOOD 1

##### 1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty

Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1 có tiền thân là cơ sở sản xuất bột mỳ Hưng Quang thuộc Công ty Lương thực Nghệ An. Năm 2002, Bộ NN&PTNT có Quyết định số 4358/QĐ/BNN-TCCB ngày 16/10/2002 về việc thành lập Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh trên cơ sở hợp nhất Công ty Lương thực Thanh Hóa, Công ty Lương thực Nghệ An và Công ty Lương thực Hà Tĩnh vì vậy nhà máy sản xuất bột mỳ Hưng Quang được hợp nhất về Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh. Để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, ngày 08/04/2003, Tổng công ty Lương thực miền Bắc đã có quyết định số 67/QĐ-HĐQT-TCLĐ về việc thành lập Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang trực thuộc Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh.

Ngày 12/10/2004, Tổng công ty Lương thực miền Bắc có Quyết định số 319/QĐ-HĐQT-TCLĐ về việc tách và điều đơn vị kinh tế phụ thuộc Công ty thành viên, Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang tách khỏi Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh và chính thức trở thành chi nhánh của Tổng công ty.

Năm 2008, sau khi hoàn thành thương vụ mua bán Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước tại Phường Đông Hải 2, Thành phố Hải Phòng, Tổng công ty Lương thực miền Bắc đã có quyết định số 157/QĐ-TCTLTMB-HĐQT ngày 03/09/2008 về việc thành lập Công ty Bột mỳ Vinafood 1 – Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực miền Bắc trên cơ sở tổ chức lại Chi nhánh – Công ty Sản xuất kinh doanh Bột mỳ Hưng Quang và Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước.

Năm 2015, Bộ NN&PTNT đã có Quyết định số 4204/QĐ-BNN-QLDN ngày 23/10/2015 chuyển Công ty Bột mỳ Vinafood 1 Chi nhánh thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood1 hiện đặt trụ sở tại số 94 Lương Yên, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và có 02 Nhà máy sản xuất bột mỳ là Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang (tại Thành phố Vinh, Nghệ An) và Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước (tại Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng).

Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang được thành lập tháng 04/2003, với dây chuyền, máy móc và công nghệ sản xuất hiện đại của hãng Buhler, Thụy Sĩ, có công suất đạt 140 tấn/ngày. Hàng năm, nhà máy sản xuất trên 30.000 tấn bột mỳ các loại, chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn Châu Âu. Dưới sự quản lý, điều hành bởi đội ngũ kỹ sư, quản lý kinh tế chuyên ngành, trong những năm qua, các sản phẩm của nhà máy luôn



được sự tin dùng của khách hàng. Các sản phẩm được sản xuất tại nhà máy gồm có bột mỳ mang thương hiệu: Bò Câu, Sông Lam, Bến Thủy.

Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước: Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước được trang bị dây chuyền và công nghệ sản xuất tiên tiến của hãng Buhler, Thụy Sĩ và HBA, Trung Quốc. Công suất nhà máy ban đầu đạt 140 tấn/ngày, sau khi được đầu tư thêm dây chuyền công suất 160 tấn/ngày (năm 2013), Nhà máy có tổng công suất 300 tấn/ngày. Nhà máy được đặt tại Quận Hải An, TP Hải Phòng, thuận tiện cho việc tiếp nhận hàng hoá, nguyên liệu cũng như vận chuyển xuất bán thành phẩm qua các phương tiện đường thủy và đường bộ.

Thực hiện chủ trương lớn của Nhà nước về việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1360/QĐ-TTg ngày 17/08/2015 về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Bắc và văn bản số 242/BNN-QLDN ngày 12/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1 thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc, hiện nay Công ty TNHH Một thành viên Bột mỳ Vinafood 1 đang khẩn trương thực hiện các bước tiếp theo của quá trình cổ phần hóa.

## **2. Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty TNHH Một thành viên Bột mỳ Vinafood 1**

- Tên đầy đủ tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BỘT MỖ VINAFOOD 1**
- Tên tiếng Anh: **VINAFOOD 1 FLOUR CO., LTD**
- Tên viết tắt: **CÔNG TY BỘT MỖ VINAFOOD 1**
- Địa chỉ trụ sở: **Số 94 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
- Điện thoại: **(84 – 4) 6278 2448**
- Fax: **(84 – 4) 6278 2457**
- Mã số thuế: **0107151097**

## **3. Hình thức sở hữu**

Công ty TNHH Một thành viên Bột mỳ Vinafood 1 là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Tổng công ty Lương thực miền Bắc là chủ sở hữu. Công ty được thành lập từ việc chuyển đổi Công ty Bột mỳ Vinafood 1 Chi nhánh thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc theo Quyết định số 4204/QĐ-BNN-QLDN ngày 23/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## **4. Ngành nghề kinh doanh**

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty hiện nay được kế thừa theo các ngành nghề kinh doanh đã cấp và thực hiện theo Đề án chuyển đổi đã được Bộ NN&PTNT phê duyệt khi thực hiện chuyển đổi từ Chi nhánh thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc thành Công ty TNHH MTV, bao gồm:

#### 4.1 Ngành, nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, bột mỳ và các sản phẩm từ bột mỳ; Sản xuất, kinh doanh các loại nguyên liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc	1079 (Chính)

#### 4.2 Ngành, nghề kinh doanh khác

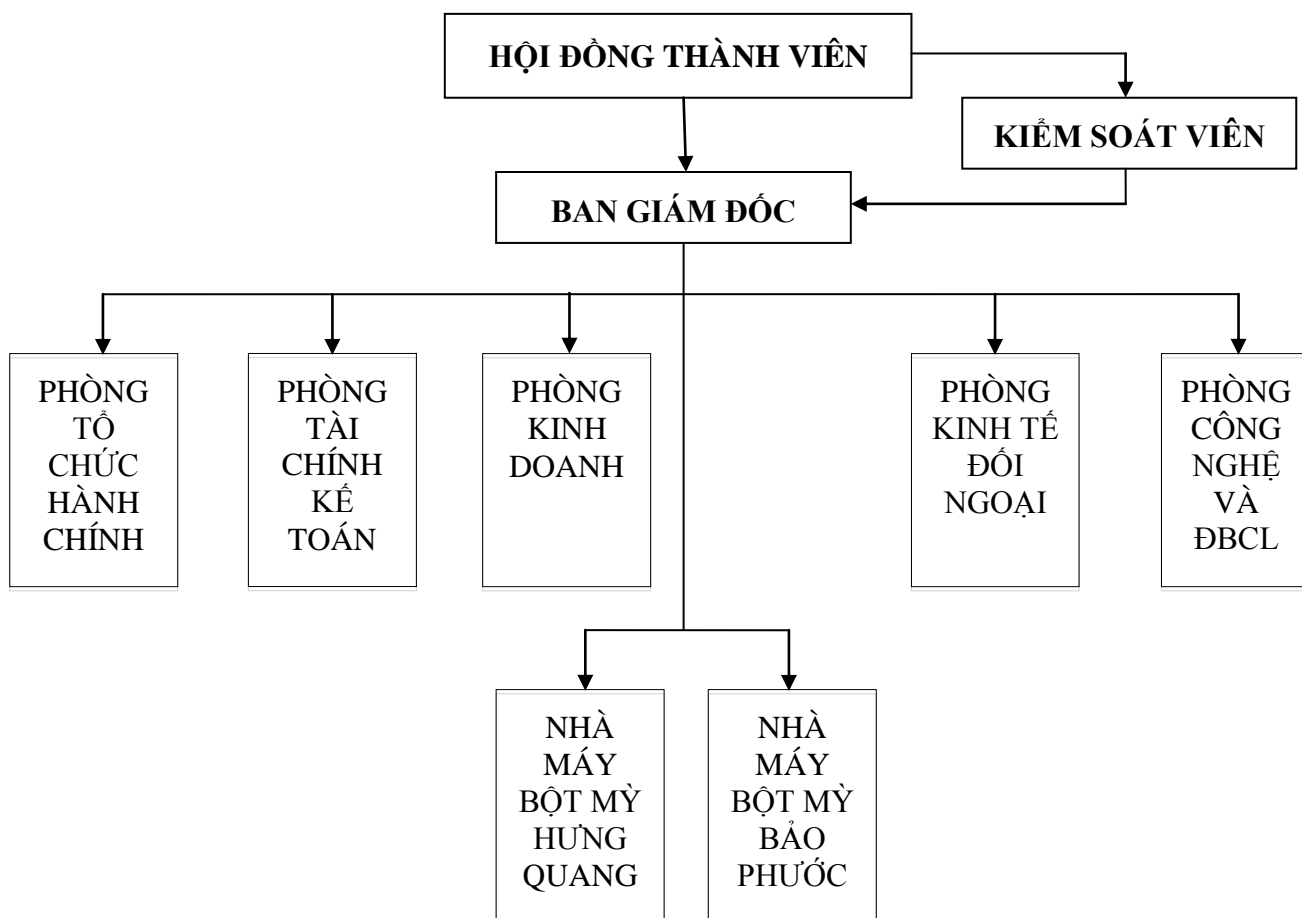
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán, đại lý phân bón	4669
2	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán bột mỳ và các sản phẩm từ bột mỳ Mua bán lương thực thực phẩm	4632
3	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán hàng nông sản; Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc	4620
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng	8299

#### 5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy hiện nay của Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1 hiện được tổ chức theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014 và Đề án chuyển đổi Chi nhánh – Công ty Bột mỳ Vinafood 1 thành Công ty TNHH Một thành viên.

Sơ đồ tổ chức cụ thể như sau:

## SƠ ĐỒ 1: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỖ VINAFOOD 1



### 5.1 Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

- ❖ **Hội đồng thành viên:** gồm 3 thành viên, bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên và 2 thành viên trong đó có 01 thành viên kiêm Giám đốc.
- ❖ **Kiểm soát viên:** gồm 02 thành viên.
- ❖ **Ban Giám đốc:** gồm 5 thành viên, bao gồm Giám đốc và 4 Phó Giám đốc (Phụ trách Kinh doanh, Đối ngoại, Tài chính và Sản xuất).
- ❖ **Các Phòng ban chức năng bao gồm:**

#### **Phòng Tổ chức hành chính:**

+ Quản lý nhân lực lao động, quản lý hồ sơ CBCNV hiện có trong công ty, tổng hợp báo cáo nguồn nhân lực của các đơn vị, phòng ban, theo tháng, quý, năm cho giám đốc công ty biết.

+ Đề xuất tiếp nhận nhân lực, điều chuyển trong nội bộ công ty cho phù hợp theo yêu cầu sản xuất.

+ Quản lý, theo dõi, giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động.

- + Tham mưu cho Giám đốc công ty trong việc: Đề bạt, bổ nhiệm, tiếp nhận nhân lực và tổ chức bộ máy của các đơn vị.
- + Lập kế hoạch tổ chức thực hiện theo dõi cơ sở vật chất cho các phòng ban.
- + Công tác văn thư lưu trữ, tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin theo thẩm quyền.
- + Quản lý xe máy, quản lý nhà cửa và kiến trúc khu vực văn phòng công ty, quản lý vật tư.
- + Quản lý hành chính, xây dựng quy chế quản lý các văn bản pháp quy: công văn đi, và đến, nghị định, nghị quyết, thông tư... của Tổng công ty và các cơ quan Ban, Ngành.
- + Tổ chức tiếp đón và hướng dẫn khách đến công ty làm việc. Quản lý trang thiết bị văn phòng. Quản lý môi trường cảnh quan Công ty.

#### **Phòng Tài chính Kế toán:**

- + Tổ chức thực hiện công tác tài chính; Quản lý tài chính đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và kế hoạch phát triển của Công ty;
- + Lập báo cáo tài chính, kế toán và xác định chi phí chất lượng;
- + Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty về tài chính doanh nghiệp, theo dõi sử dụng tài chính, vật tư, tài sản ở các xí nghiệp.

#### **Phòng Kinh doanh:**

- + Lập Kế hoạch giao hàng dựa trên nhu cầu thị trường và các hợp đồng, đơn hàng đã ký kết với khách hàng.
- + Tìm hiểu nhu cầu thị trường, khách hàng để đề xuất các đặc tính phù hợp của sản phẩm; Xem xét hợp đồng bán hàng, và các hợp đồng khác theo yêu cầu của Giám đốc.
- + Quảng cáo và xúc tiến bán hàng; Tổ chức thực hiện giao hàng, thu hồi công nợ.
- + Liên hệ với khách hàng thực hiện bảo hành sản phẩm sau bán hàng; Chủ trì việc xử lý và giải quyết khiếu nại của khách hàng;
- + Tham mưu xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty.

#### **Phòng Kinh tế đối ngoại:**

- + Tổ chức tìm kiếm, đàm phán và thỏa thuận với các nguồn cung ứng nguyên liệu sản xuất từ nước ngoài cho Công ty.
- + Xúc tiến bán hàng, xuất khẩu sản phẩm của Công ty ra thế giới và xuất khẩu tại chỗ bên trong lãnh thổ Việt Nam;
- + Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện nhập khẩu, xuất khẩu phục vụ công tác sản

xuất kinh doanh của Công ty.

- + Tham mưu xây dựng chiến lược marketing, nhập khẩu, xuất khẩu của Công ty.

#### **Phòng Công nghệ và Đảm bảo chất lượng:**

+ Tham mưu cho giám đốc công ty về khoa học kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất của công ty.

+ Lập phương án thiết kế, dự toán các chương trình sản xuất theo kế hoạch của công ty.

+ Lập phương án sửa chữa các sự cố hư hỏng lớn của hệ thống sản xuất một cách kịp thời.

+ Quản lý, giám sát nghiệm thu kỹ thuật (chất lượng và khối lượng) nguyên vật liệu, sản phẩm hàng hóa...

- + Lập kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa lớn các thiết bị máy móc theo định kỳ.

### **5.2 Các Nhà máy trực thuộc Công ty bao gồm:**

**5.2.1 Nhà máy bột mì Hưng Quang:** Địa chỉ: Khối Tân Hòa, Phường Vinh Tân, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

**5.2.2 Nhà máy bột mì Bảo Phước:** Địa chỉ: Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng

## **II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA**

### **1. Đánh giá môi trường hoạt động của Công ty**

Môi trường hoạt động kinh doanh của Công ty những năm gần đây có nhiều cải thiện. Từ năm 2013 đến nay, kinh tế vĩ mô Việt Nam trải qua thời kỳ ổn định, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 tăng 5,42%, năm 2014 tăng 5,98%, năm 2015 tăng 6,68%. Các chỉ số về kinh tế vĩ mô như tăng trưởng, kiểm soát lạm phát, tỷ giá, thanh khoản của ngân hàng thương mại, xuất-nhập khẩu... tiếp tục thay đổi tích cực so với các năm trước.

Với tinh thần “chủ động và tích cực” hội nhập, nước ta đã ký kết hàng chục Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương thế hệ mới, chính thức thực hiện theo lộ trình những cam kết của khu vực Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) từ đầu năm 2016, đặc biệt là kết thúc đàm phán và ký kết Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) với kỳ vọng các nước thành viên sẽ hoàn tất thủ tục để đi vào hoạt động từ đầu năm 2018. Quan hệ kinh tế đối ngoại của quốc gia được nâng cao, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho hoạt động nhập khẩu và xuất khẩu của Công ty.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi nêu trên, kinh tế Việt Nam còn tồn tại nhiều khó khăn như kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc; cân đối ngân sách Nhà nước còn khó khăn, bội chi còn cao; nợ công tăng nhanh, áp lực trả nợ lớn; áp lực lạm phát và

lãi suất cho vay có thể tăng cao trở lại; huy động nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước còn hạn chế; tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm...

Nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu phục hồi từ năm 2013, nhưng tổng cầu của nền kinh tế tăng chậm. Việc giảm giá lương thực thực phẩm trên thị trường thế giới trong những năm gần đây cùng với sự chậm trễ trong tái cơ cấu nền sản xuất nông nghiệp đã đưa nền sản xuất nông nghiệp nước ta đứng trước viễn cảnh rất khó khăn, tốc độ tăng trưởng chậm lại và sẽ khó khăn hơn khi mở cửa thị trường nội địa.

## **2. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty**

### **2.1 Những điểm thuận lợi**

Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 là đơn vị thành viên của Tổng công ty Lương thực miền Bắc. Bên cạnh uy tín và thương hiệu được thừa hưởng từ Công ty mẹ - Tổng công ty, Công ty có một số thuận lợi khác như sau:

❖ Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thực phẩm với sản phẩm chính là Bột mì. Đây là sản phẩm lương thực quan trọng, được sử dụng để sản xuất mì ăn liền, bánh mì, bánh ngọt, và các sản phẩm bánh kẹo cao cấp như bánh quy, bánh snack, bánh bông lan... Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hoá, hình thành tác phong công nghiệp, làm tăng nhu cầu về thức ăn nhanh của người dân. Đồng thời, đời sống người dân được nâng cao, nhu cầu quà tặng vào các ngày lễ/Tết là các sản phẩm bánh kẹo cao cấp cũng góp phần làm tăng sản lượng tiêu thụ bột mì. Ngoài ra, bột mì còn được sử dụng để sản xuất các sản phẩm thức ăn chăn nuôi phục vụ cho ngành nuôi trồng thủy hải sản. Nhu cầu tiêu dùng và đời sống, thu nhập của người dân ngày càng cải thiện chính là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngành sản xuất bột mì nói chung trong đó có Công ty Bột mì Vinafood 1.

❖ Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 được Tổng công ty quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, nhà xưởng thiết bị hiện đại. Năm 2008, đơn vị được Tổng công ty đầu tư, trang bị thêm 01 nhà máy sản xuất tại Hải Phòng với công suất 140 tấn/ngày, nâng công suất sản xuất bột mì của toàn Công ty lên 280 tấn/ngày. Đến năm 2013, Tổng công ty đã đầu tư thêm 01 dây chuyền sản xuất có công suất 160 tấn/ngày và 05 silo với sức chứa 15.000 tấn lúa mì, nâng tổng công suất cả Công ty lên 440 tấn/ngày, đáp ứng được yêu cầu phát triển, tạo điều kiện mở rộng thị trường, đa dạng hoá sản phẩm, cụ thể là các sản phẩm cao cấp phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của thị trường về các sản phẩm bánh mì, bánh ngọt trung cao cấp.

❖ Năm 2011, Tổng công ty đã phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cho Công ty Bột mì Vinafood 1 một toà nhà 08 tầng làm văn phòng làm việc tại số 94 phố Lương Yên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Năm 2013, Công ty đã hoàn thành công tác xây dựng và đưa toà nhà vào vận hành, khai thác. Công ty có trụ sở làm việc khang trang, hiện đại,

bên cạnh đó còn có thêm thu nhập từ việc khai thác dịch vụ cho thuê văn phòng, góp phần ổn định thu nhập cho người lao động, tháo gỡ khó khăn cho đơn vị.

❖ Về công tác tiêu thụ sản phẩm: trong thời gian qua, Công ty nhận được sự ủng hộ của các khách hàng truyền thống là các nhà sản xuất và nhà phân phối có uy tín và quy mô lớn như: Acecook, Masan, Micoem, Khải Minh, DNTN Vinh Phương...

❖ Về tổ chức bộ máy và nhân sự: Bộ máy quản lý của Công ty Bột mì Vinafood 1 được tổ chức đầy đủ với các cán bộ quản lý và các phòng ban chuyên môn. Công ty có tập thể người lao động và lãnh đạo Công ty luôn đoàn kết, gắn bó, động viên, hỗ trợ lẫn nhau vượt qua khó khăn thách thức trong công việc cũng như trong cuộc sống.

## **2.2 Những điểm khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi và thành quả đã đạt được, trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty Bột mì Vinafood 1 cũng phải đối mặt với những khó khăn sau:

❖ Về tổ chức quản lý sản xuất: Công ty hiện có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội trong khi các nhà máy sản xuất phân tán tại Nghệ An và Hải Phòng nên có nhiều khó khăn trong công tác điều hành và quản lý sản xuất nhanh nhạy, kịp thời.

❖ Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thời gian gần đây cũng gặp nhiều các khó khăn như:

- Xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh có tiềm lực tài chính, có kinh nghiệm quản lý sản xuất, tổ chức sản kinh doanh quy mô lớn, áp dụng các chính sách về giá và khuyến mãi hấp dẫn để chiếm lĩnh thị trường;

- Tại khu vực miền Bắc và miền Trung, Công ty Bột mì Vinafood 1 là đơn vị sản xuất quy mô vừa, vị trí của 2 nhà máy Hưng Quang và Bảo Phước còn xa cảng nhập nguyên liệu dẫn đến chi phí vận chuyển nguyên liệu nhập kho còn cao, đồng thời so với các đối thủ là các doanh nghiệp có vốn FDI, năng lực sản xuất của Công ty còn thua kém công suất máy và trình độ công nghệ.

- Giá nguyên liệu lúa mì trên thế giới có nhiều biến động, làm ảnh hưởng đến công tác hoạch định sản xuất kinh doanh của đơn vị;

- Tỷ giá ngoại tệ biến động bất thường, gây khó khăn cho những đơn vị nhập khẩu lúa mì và nhận nợ ngoại tệ như Công ty;

- Trình độ tay nghề của đội ngũ công nhân tại doanh nghiệp chưa thật đồng đều làm ảnh hưởng tới năng suất lao động. Điều này là một trở ngại lớn của công ty giai đoạn hiện nay;

- Việc siết chặt quy định tải trọng xe cơ giới của Bộ giao thông vận tải đã làm giá cước vận tải tăng cao, ảnh hưởng lớn tới giá thành, giá bán và năng lực cạnh tranh trên thị trường bột mì.

## **3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu**

Sản xuất và kinh doanh bột mỳ là một hoạt động kinh doanh chủ yếu hiện nay của Công ty. Hiện nay, Công ty đang điều hành 2 nhà máy sản xuất bột mỳ lớn với tổng công suất đạt gần 440 tấn/ngày, phục vụ cung cấp bột mỳ cho nhiều nhóm khách hàng khác nhau như các doanh nghiệp sản xuất và bán lẻ cho người tiêu dùng. Một số hình ảnh về các sản phẩm của Công ty như sau:



Nhãn hàng Bột mỳ: Hoa Phượng Đỏ



Nhãn hàng Bột mỳ: Phượng Hoàng



Nhãn hàng Bột mỳ: Bồ Câu



Nhãn hàng Bột mỳ: Hồng Yến

#### 4. Giá trị sản lượng sản phẩm/dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm dịch vụ qua các năm trước khi cổ phần hóa như sau:

**BẢNG BIỂU 1 : Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm**

Sản phẩm	2013		2014		2015	
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
Bột mỳ	540.521	71,79	463.268	80,62	431.471	75,08
Cám mỳ	111.096	14,76	101.970	17,74	94.021	16,36
Lúa mỳ	293	0,04	42.051	7,32	26.877	4,68
Gạo	20.105	2,67	36.609	6,37	19.615	3,41



Sản phẩm	2013		2014		2015	
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
Cám viên	35.886	4,77	37.169	6,47	-	-
Đậu tương	28.935	3,84		-	-	-
Khô dứa	12.750	1,69		-	-	-
Ngô hạt	-	-	58.509	10,18	-	-
Mặt hàng khác	1.879	0,25	20	0,00	346	0,06
Dịch vụ	1.427	0,19	1.815	0,32	2.333	0,41
<b>Tổng cộng</b>	<b>752.892</b>	<b>100</b>	<b>741.411</b>	<b>100</b>	<b>574.662</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1*

Hoạt động chủ yếu của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 là sản xuất và kinh doanh bột mì. Trong 03 năm qua, bột mì luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty (khoảng 71% - 75%), tiếp theo đó là cám mì (khoảng 14% - 18%), phần còn lại là từ kinh doanh các sản phẩm khác như gạo, cám viên... Tuy nhiên doanh thu và lợi nhuận năm 2014 – 2015 có xu hướng sụt giảm do Công ty phải giảm giá bán sản phẩm theo mức giảm giá nguyên liệu lúa mì đầu vào, cước phí vận tải tăng cao do việc quản lý chặt tải trọng, lỗi do chênh lệch tỷ giá và các chi phí phát sinh khác.

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm dịch vụ của Công ty trong 03 năm trước có phần hóa như sau:

**BẢNG BIỂU 2 : Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm dịch vụ**

Khoản mục	2013		2014		2015	
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
Bột mì	31.265	92,48	31.455	112	22.571	81,69
Cám mì	9	0,03	(728)	(2,58)	(147)	(0,53)
Lúa mì	1	0,00	(3.903)	(13,84)	1.339	4,85
Gạo	863	2,55	670	2,37	271	0,98
Cám viên	52	0,15	53	0,19	-	-
Đậu tương	100	0,30	-	-	-	-

Khoản mục	2013		2014		2015	
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
Khô dừa	39	0,12	-	-	-	-
Ngô hạt	-	-	99	0,35	-	-
Mặt hàng khác	50	0,15	-	-	12	0,04
Dịch vụ	1.427	4,22	1.815	6,44	2.333	8,44
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	(1.253)	(4,44)	1.253	4,53
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.807</b>	<b>100</b>	<b>28.208</b>	<b>100</b>	<b>27.631</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1*

Mức lợi nhuận gộp của Công ty trong giai đoạn 2013-2015 có chiều hướng giảm dần về số tuyệt đối. Chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty là mảng kinh doanh sản xuất bột mì (duy trì trên 80% tổng doanh thu thuần của Công ty trong giai đoạn 2013-2015), tiếp theo đó là cám mì và các sản phẩm khác.

Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do các doanh nghiệp FDI đã tiếp tục gia tăng công suất và mở rộng thêm nhà máy tại khu vực miền Bắc (địa bàn hoạt động chính của Công ty) cùng với các chính sách giảm giá, khuyến mại với mục tiêu dần chiếm lĩnh thị trường. Do đó, để giữ vững thị phần bột mì, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đã phải đẩy mạnh các chương trình bán hàng cho các khách hàng thân thiết nên chi phí tăng dẫn đến hiệu quả kinh doanh đạt thấp trong thời gian qua.

Bên cạnh đó, kể từ năm 2014, giá lúa mì có chiều hướng giảm dần do lượng cung lúa mì trên thế giới tăng trong thời gian qua và vẫn chưa có dấu hiệu chững lại. Do đó, để tránh thua lỗ, các công ty sản xuất bột mì nói chung và Công ty TNHH MTV bột mì Vinafood 1 nói riêng đã phải giảm giá bán để cạnh tranh.

Việc áp dụng chặt chẽ tải trọng đối với xe cơ giới đã làm cho giá cước vận chuyển tăng cao và gây ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu tiêu thụ và giá bán sản phẩm tại các nhà máy của Công ty (*nhà máy Hưng Quang có vị trí vận chuyển hàng hóa không thuận tiện như tại nhà máy Bảo Phước*), lượng hàng tồn kho của Công ty tăng cao nên kết quả sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả.

Ngoài ra, trong các năm gần đây, Công ty chịu khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do biến động tỷ giá ngoại tệ, trong khi việc nhập khẩu nguyên liệu của Công ty được tài trợ chủ yếu bởi các khoản vay ngoại tệ. Năm 2015, Công ty chịu lỗ chênh lệch tỷ giá hơn 8,61 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với mức 3,08 tỷ đồng (2014) và 2,06 tỷ đồng (2013).

## **5. Nguồn nguyên vật liệu**

Với lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm mà chủ yếu là bột mì và các sản phẩm từ bột mì, nguồn cung ứng nguyên liệu của Công ty chủ yếu là sản phẩm lúa mì. Hiện nay, Công ty đang nhập khẩu các mặt hàng lúa mì APW10.5, AH11.5, APH13, APH14, AH12, AH13...từ các nhà cung cấp tại Bắc Mỹ và Úc như các hãng Bungee, CBH, Vitol, Glencore, Arrow, Agracom, Robinson...

#### ❖ Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Nhìn chung, các loại nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty khá phổ biến và có nhiều nhà cung cấp lớn, uy tín trên thế giới nên Công ty có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trải qua nhiều năm hoạt động, Công ty đã xác lập các quan hệ bạn hàng với các đối tác cung cấp này nên nguồn cung nguyên vật liệu thường xuyên đảm bảo sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do mặt hàng lúa mì thường phải nhập khẩu với khối lượng lớn để các nhà cung cấp vận chuyển đến cảng thuận tiện (cảng Cái Lân) nên hiện nay Công ty vẫn phải tìm kiếm các nhà sản xuất khác để cùng liên kết nhập khẩu, giảm chi phí.

#### ❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn cộng thêm việc giá bán thành phẩm diễn biến theo giá nguyên vật liệu đầu vào, chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty, đặc biệt là giá lúa mì nhập khẩu. Bên cạnh đó giá cả nguyên vật liệu khác phục vụ sản xuất như điện, nước, xăng dầu... cũng biến động liên tục cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

## 6. Chi phí sản xuất

#### ❖ Cơ cấu chi phí

**BẢNG BIỂU 3 : Cơ cấu chi phí**

Khoản mục	2013		2014		2015	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	719.084.447.227	95,93%	713.202.858.632	96,17%	547.031.919.305	94,61%
Chi phí tài chính	8.922.676.116	1,19%	10.957.258.020	1,48%	12.392.027.567	2,14%
Chi phí bán hàng	9.026.723.165	1,20%	8.806.190.620	1,19%	10.100.372.213	1,75%
Chi phí quản lý DN	12.501.909.918	1,67%	8.572.589.166	1,16%	8.646.117.926	1,50%
Chi phí khác	46.519.246	0,01%	103.562.963	0,01%	33.509.515	0,01%
<b>Tổng cộng</b>	<b>749.582.275.722</b>	<b>100%</b>	<b>741.642.459.401</b>	<b>100%</b>	<b>578.203.946.526</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 của Công ty*

#### ❖ Phân tích biến động chi phí sản xuất của Công ty

Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 tương đối

ổn định trong thời gian qua. Với đặc điểm là doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh bột mì nên giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của công ty (chiếm tỉ trọng trên 94% tổng chi phí).

Trong năm 2015, giá vốn hàng bán của Công ty giảm còn 94,61% trong tổng chi phí so với mức gần 96% trong khoảng thời gian năm 2013 - 2014 do giá bột mì thế giới có xu hướng giảm. Trong khi đó, chi phí tài chính trong những năm gần đây tăng do lỗ chênh lệch tỷ giá và lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng nhẹ.

Các chi phí bán hàng của Công ty tăng lên mức 1,75% tổng chi phí năm 2015 do cạnh tranh với các doanh nghiệp FDI, Công ty đã phải chủ động sử dụng nhiều chính sách khuyến mãi, giảm giá nhằm giữ vững thị phần.

## **7. Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất**

So với các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực, Công ty TNHH Bột mì Vinafood 1 thuộc nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ tốt. Công ty có 02 nhà máy sản xuất bột mì với công nghệ của hãng Buhler, HBA đạt tổng công suất 440 tấn/ngày. Dây chuyền, máy móc và công nghệ hiện đại của Công ty đáp ứng được yêu cầu phát triển của đơn vị, tạo điều kiện mở rộng thị trường, đa dạng hoá sản phẩm, cụ thể là các sản phẩm cao cấp phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của thị trường về các sản phẩm mì gói, bánh mì, bánh ngọt trung cao cấp.

## **8. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới**

Công ty luôn xác định lấy việc sản xuất chế biến kinh doanh bột mì làm trọng tâm, đặt kế hoạch sản xuất kinh doanh có lãi, giữ vững và phát triển thị trường hiện có bằng việc bám sát thị trường đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm bột mì, đặc biệt chú trọng thị trường bán cho kênh phân phối. Để đạt được mục tiêu đã nêu Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng cũng như mẫu mã, bao gói sản phẩm. Do khách hàng sử dụng sản phẩm bột mì với số lượng lớn thường tập trung vào các Công ty sản xuất mì gói, bánh kẹo với các yêu cầu về tiêu chuẩn và chất lượng khác nhau. Do đó Phòng Kinh doanh và Phòng công nghệ có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu để sản xuất các nhãn hàng sản phẩm mới, đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng.

## **9. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

**a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:** Trong hoạt động kiểm tra chất lượng, Công ty áp dụng tiêu chuẩn cao cho nguồn nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đóng gói tại đầu ra của từng nhà máy sản xuất bột mì. Ngoài ra, Hệ thống quản lý của Công ty luôn được cải tiến để phù hợp với chính sách chất lượng và yêu cầu phát triển.

**b) Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty:** Công ty đã xây dựng phòng công nghệ để thực thi các chương trình giám sát, kiểm soát chất lượng bài bản, chặt chẽ. Quá trình làm việc của từng đội sản xuất được quản lý, giám sát thông qua Nhật ký công tác và Báo cáo kết quả công việc. Hệ thống quản lý của Công ty được áp dụng theo

tiêu chuẩn HACCP/ISO 22000 và các quy định, quy phạm an toàn để cung cấp hàng hóa đúng chủng loại, số lượng và dịch vụ theo như yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn có sự phối hợp kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước như Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ.... thường xuyên tiến hành nghiệm thu xác nhận chất lượng sản phẩm do Công ty cung cấp ra thị trường.

## 10. Hoạt động Marketing

Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đã xây dựng được niềm tin và uy tín với người tiêu dùng nhờ luôn thực hiện đúng sứ mệnh “*Chúng tôi luôn cố gắng trở thành nhà sản xuất và cung ứng lương thực thực phẩm uy tín, là đối tác tin cậy của bạn hàng. Chúng tôi luôn liên tục tự hoàn thiện để tạo ra những sản phẩm ổn định và tốt nhất. Chúng tôi phục vụ khách hàng tận tụy, hiệu quả và nhanh nhất*”.

Bên cạnh website [www.vn1flour.com.vn](http://www.vn1flour.com.vn) để quảng bá hình ảnh doanh nghiệp, Công ty phát triển thương hiệu thông qua quảng cáo trên báo, tạp chí ngành. Ngoài ra, Công ty luôn sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, không ngừng đầu tư công nghệ, cải tiến hệ thống sản xuất với mục đích cuối cùng là cải thiện chất lượng và giảm giá thành sản phẩm.

## 11. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 là doanh nghiệp nhà nước, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bột mì trên phạm vi cả nước. Công ty hiện chưa đăng ký hình ảnh logo, nhãn hiệu riêng. Dự kiến sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ từng bước chuẩn hóa các hình ảnh logo, nhãn hiệu sản phẩm và tiến hành đăng ký nhãn hiệu thương mại cho sản phẩm, dịch vụ của mình.

## 12. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Hiện tại, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đã thực hiện hoặc đã ký kết một số hợp đồng tiêu biểu như sau:

**BẢNG BIỂU 4 : Một số hợp đồng tiêu biểu**

TT	Số hợp đồng	Nội dung	Đối tác	Thời gian thực hiện
1	395/2015/HĐ-HCM	HĐ nguyên tắc về cung cấp bột mì	CTCP Acecook Việt Nam	2015 - 2016
2	60/2016/HĐKT	HĐ nguyên tắc về cung cấp bột mì	Công ty CP MB Khải Minh	2016
3	18/2016/HĐKT	HĐ nguyên tắc về cung cấp bột mì	Công ty TNHH Khải Minh	2016

TT	Số hợp đồng	Nội dung	Đối tác	Thời gian thực hiện
4	85/2016/HĐKT	HĐ nguyên tắc về cung cấp bột mì	Công ty TNHH Sản xuất Bột mì Vimarflour	2016
5	25/2016/HĐKT	HĐ nguyên tắc về cung cấp bột mì	Công ty CP Công nghệ thực phẩm Châu Á	2016

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1*

### 13. Đánh giá nguồn nhân lực

#### 13.1 Nguồn nhân lực và chính sách phát triển nguồn nhân lực

a) **Tính đến thời điểm 30/06/2016:** Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 có tổng số 159 lao động trong đó bao gồm 100 lao động nam và 59 lao động nữ.

b) **Chất lượng nguồn nhân lực qua các năm như sau**

**BẢNG BIỂU 5: Chất lượng nguồn nhân lực qua các năm**

TT	Trình độ	2013	2014	2015	30/06/2016
1	Trên Đại học	4	4	7	7
2	Đại học, cao đẳng	68	65	58	57
3	Trung cấp	28	35	30	28
4	Công nhân kỹ thuật	10	3	14	7
5	Khác	73	68	61	60
	<b>Tổng cộng</b>	<b>183</b>	<b>175</b>	<b>170</b>	<b>159</b>

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1*

c) **Bố trí sử dụng lao động:** Trong những năm qua, công tác tổ chức cán bộ và bố trí sử dụng lao động của Công ty luôn được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu.

– Đối với Hợp đồng lao động thời vụ, Công ty luôn chú trọng tới việc rà soát và điều chỉnh phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ nhằm mục tiêu đảm bảo mức thu nhập ổn định tối thiểu cho cán bộ công nhân viên. Chế độ bảo hiểm được tính vào lương, có hợp đồng lao động.

– Đối với các lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn hoặc không xác định thời hạn được Công ty ký kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm đầy đủ.

d) **Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm**

**BẢNG BIỂU 6: Thu nhập bình quân của người lao động Công ty qua các năm**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	5.850	5.800	5.400

Nguồn: Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1

#### e) Công tác phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ

Công ty luôn quan tâm đến người lao động có năng lực và tích cực xây dựng các cơ chế để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng đòi hỏi của doanh nghiệp. Hàng năm, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 tổ chức nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng tay nghề cho cán bộ, công nhân theo nhiều hình thức đào tạo và tiết kiệm.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân trong những năm qua cơ bản đã phát huy tốt năng lực lao động. Tuy nhiên bên cạnh việc bố trí và sắp xếp lại lao động hợp lý, chất lượng nguồn nhân lực cần phát triển hơn nữa để đảm bảo thực hiện tốt chiến lược phát triển của Công ty trong thời gian sắp tới.

#### 13.2 Chính sách nhân sự

– Bên cạnh việc thực hiện các quy chế quản lý điều hành, tổ chức thực hiện và giám sát, Công ty còn nỗ lực tập trung cải thiện điều kiện làm việc, chế độ, chính sách, tạo dựng văn hóa doanh nghiệp; Nỗ lực thực hiện bố trí lực lượng lao động tại Công ty để phù hợp với năng lực của từng lao động và thực hiện cơ chế đãi ngộ thỏa đáng theo hiệu quả công việc.

– Với việc không ngừng cải tiến và hoàn thiện công tác tổ chức cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực các điều chỉnh về lao động của Công ty đã giúp góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí và tăng hiệu quả kinh doanh và thu nhập của người lao động.

#### 14. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

##### 14.1 Thực trạng về tài chính của Công ty trong 3 năm trước khi cổ phần hóa.

Trong 3 năm trước khi cổ phần hóa, tình hình về tài chính của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 được thể hiện qua các số liệu như sau:

##### **BẢNG BIỂU 7: Thực trạng về tài chính Công ty giai đoạn 2013 – 2015**

Đơn vị: VND

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	252.483.678.781	277.119.453.192	208.032.860.059
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	46.694.901.956	52.429.939.946	24.283.729.805

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2015</b>
1	Tiền	36.464.901.956	30.429.939.946	15.283.729.805
2	Các khoản tương đương tiền	10.230.000.000	22.000.000.000	9.000.000.000
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	<b>230.000.000</b>	<b>230.000.000</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	-	230.000.000	230.000.000
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>102.077.508.361</b>	<b>78.163.952.380</b>	<b>69.630.632.357</b>
1	Phải thu khách hàng	98.629.227.275	75.996.593.471	68.228.577.570
2	Trả trước cho người bán	2.892.750.355	901.661.644	679.114.134
3	Phải thu nội bộ	522.600.909	1.265.697.265	-
4	Các khoản phải thu khác	32.929.822	-	766.606.223
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	(43.665.570)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>99.065.284.005</b>	<b>145.671.111.860</b>	<b>113.619.091.873</b>
1	Hàng tồn kho	99.065.284.005	146.924.016.768	113.619.091.873
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.252.904.908)	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>4.645.984.459</b>	<b>624.449.006</b>	<b>269.406.024</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	534.817.234	126.401.279	261.114.679
2	Thuế GTGT được khấu trừ	21.079.546	5.524.035	
3	Tài sản ngắn hạn khác	4.090.087.679	492.523.692	
4	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	8.291.345
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>187.543.783.523</b>	<b>185.872.543.091</b>	<b>165.085.211.989</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	<b>12.500.000</b>
1	Phải thu dài hạn khác	-	-	12.500.000
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>186.826.173.106</b>	<b>185.328.898.789</b>	<b>164.576.391.335</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	55.043.959.432	46.847.819.825	164.576.391.335
	- Nguyên giá	115.861.216.313	116.609.410.851	225.158.793.516
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(60.817.256.881)	(69.761.591.026)	(90.582.402.181)
2	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
	- Nguyên giá	101.150.000	101.150.000	101.150.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(101.150.000)	(101.150.000)	(101.150.000)



<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2015</b>
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	131.782.213.674	138.481.078.964	-
<b>III</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>717.610.417</b>	<b>543.644.302</b>	<b>496.320.654</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	705.110.417	531.144.302	496.320.654
2	Tài sản dài hạn khác	12.500.000	12.500.000	-
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>440.027.462.304</b>	<b>462.991.996.283</b>	<b>373.118.072.048</b>
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>440.027.462.304</b>	<b>462.991.996.283</b>	<b>153.016.125.411</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>242.257.633.291</b>	<b>267.990.213.886</b>	<b>152.922.445.411</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	176.086.166.518	184.949.040.500	128.477.467.400
2	Phải trả người bán	17.356.141.246	22.181.708.910	4.207.535.868
3	Người mua trả tiền trước	452.730.590	220.141.668	16.620.000
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.907.950.956	4.499.548.020	3.465.616.245
5	Phải trả người lao động	5.744.987.529	1.402.389.160	1.544.615.208
6	Chi phí phải trả	7.767.344.371	13.061.101.475	748.157.795
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	421.927.273
8	Phải trả nội bộ	22.284.797.474	31.450.847.383	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.657.514.607	10.225.436.770	12.223.705.622
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	1.816.800.000
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>197.769.829.013</b>	<b>195.001.782.397</b>	<b>93.680.000</b>
1	Phải trả dài hạn nội bộ	197.671.647.194	194.778.600.579	-
2	Doanh thu chưa thực hiện	98.181.819	223.181.818	-
3	Phải trả dài hạn khác	-	-	93.680.000
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN CSH</b>	-	-	<b>220.101.946.637</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	-	-	<b>220.101.946.637</b>
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	-	-	220.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	101.946.637
	<i>-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	-	-	-
	<i>-LNST chưa phân phối kỳ này</i>	-	-	101.946.637
	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440.027.462.304</b>	<b>462.991.996.283</b>	<b>373.118.072.048</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 của Công ty

**Lưu ý:** Trong năm 2015, Báo cáo tài chính kiểm toán của công ty bao gồm 2 giai đoạn:

*Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/11/2015 dưới mô hình Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực miền Bắc;*

*Giai đoạn từ 01/12/2015 đến 31/12/2015 hoạt động dưới mô hình Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1.*

Trong bản Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 này, số liệu của các khoản mục trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 của công ty được tính toán trên cơ sở cộng gộp 02 giai đoạn tài chính tại các Báo cáo tài chính kiểm toán nêu trên.

Trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Bột mì Vinafood 1 – Chi nhánh thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc, đơn vị kiểm toán đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc Chi nhánh trích lập dự phòng giảm giá nguyên liệu tồn kho chưa có đủ căn cứ hợp lý theo quy định, với giá trị 1.252.904.908 VND. Chi nhánh không điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014 mà hoàn nhập khoản trích dự phòng này vào kỳ báo cáo năm 2015 dẫn tới kết quả kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 – 30/11/2015 tăng lên 1.252.904.908 VND.

#### **14.2 Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa**

Trong 3 năm trước khi cổ phần hóa, tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 được thể hiện qua các số liệu như sau:

**BẢNG BIỂU 8: Bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh Công ty**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	440.027.462.304	462.991.996.283	373.118.072.048
2	Vốn nhà nước theo sổ sách <sup>(*)</sup>	Đồng	-	-	220.145.612.207
3	Vay và nợ ngắn hạn	Đồng	176.086.166.518	184.949.040.500	128.477.467.400
4	Vay và nợ dài hạn	Đồng	197.769.829.013	195.001.782.397	93.680.000
5	Nợ phải thu khó đòi	Đồng	-	-	-
6	Tổng số lao động	người	183	175	170
7	Tổng quỹ lương	Trđ	12.846.600.000	12.180.000.000	11.016.000.000
8	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/th	5.850.000	5.800.000	5.400.000
9	Tổng Doanh thu	Đồng	755.141.638.492	763.700.932.973	591.329.079.625
10	Tổng Chi phí	Đồng	749.582.275.722	741.642.459.401	578.203.946.526
11	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	6.071.893.658	142.825.325	(2.542.842.634)

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
12	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.071.893.658	142.825.325	(2.571.596.814)
13	Tỷ suất LNST/Vốn nhà nước	%	-	-	(1,06%)

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 của Công ty*

*(\*): năm 2013, 2014 đơn vị là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty nên không có các số liệu về vốn nhà nước theo sổ sách.*

Trong giai đoạn 2013-2015, Công ty có tình hình tài chính tương đối tốt, tuy nhiên do biến động giá nguyên liệu đầu vào và áp lực cạnh tranh gay gắt tại thị trường bột mì trong nước nên kết quả kinh doanh của Công ty giảm lãi chỉ còn 142,82 triệu đồng trong năm 2014 và lỗ 2,57 tỷ đồng năm 2015.

### **14.3 Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh**

Trong giai đoạn 2013 – 2015, các yếu tố chi phí đầu vào của Công ty có xu hướng biến động, trong đó đặc biệt giá nguyên liệu đầu vào là lúa mì có xu hướng giảm do đó giá bán thành phẩm của Công ty phải giảm theo để đảm bảo cạnh tranh do đó ảnh hưởng lớn đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, việc nhập khẩu lúa mì và nhận nợ vay ngoại tệ khiến Công ty gặp rủi ro khi có biến động tỷ giá.

Ngoài ra, thị trường sản xuất bột mì tại Việt Nam ngày càng gặp phải nhiều cạnh tranh gay gắt. Các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp tư nhân trong nước đã có nhiều chiến lược cạnh tranh về giá cả và khuyến mãi thu hút các khách hàng truyền thống của Công ty.

## **15. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 là một trong những đơn vị sản xuất bột mì uy tín trong nước. Hiện nay, công ty đang sử dụng chủ yếu là công nghệ sản xuất hiện đại của hãng Buhler, HBA với tổng công suất 440 tấn/ngày. Công ty có bề dày kinh nghiệm trong ngành nghề sản xuất kinh doanh bột mì, với đội ngũ kỹ thuật có chuyên môn cao và năng động.

Ngoài ra, Công ty là đơn vị thành viên của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc, duy trì tình hình tài chính lành mạnh và nhận được nhiều sự hỗ trợ, giúp đỡ từ phía Tổng công ty. Cùng với bề dày kinh nghiệm của mình, Công ty có nhiều lợi thế trong việc tiếp tục cạnh tranh và phát triển trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh bột mì.

## **III. HIỆN TRẠNG VỀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI**

Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 hiện đang sử dụng 03 khu đất, tại Hà Nội, Hải Phòng và Nghệ An. Hiện trạng sử dụng về đất đai của Công ty khi cổ phần hóa như sau:

### **1. Các cơ sở nhà, đất tại số 94 Lương Yên – Phường Bạch Đằng – Quận Hai Bà**

## Trung - Hà Nội

**Hiện trạng pháp lý:** Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD985634 ngày 19/01/2012. Khi thực hiện cổ phần hóa, Công ty đã xây dựng phương án sử dụng đất là thuê đất, trả tiền hàng năm và báo cáo UBND thành phố Hà Nội phê duyệt. Ngày 13/06/2016, UBND Thành phố Hà Nội đã có văn bản số 3490/UBND-KT phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1 trên địa bàn thành phố Hà Nội sau khi cổ phần hóa.

Thông tin về cơ sở nhà, đất tại số 94 Lương Yên – Phường Bạch Đằng – Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội như sau:

Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng đất	Tình trạng
408,3	Công ty được sử dụng 328,7 m <sup>2</sup> làm trụ sở làm việc và cơ sở kinh doanh theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm và phải phù hợp với quy hoạch của Thành phố. Thời hạn sử dụng đất 50 năm kể từ ngày 15/10/1993. Công ty có trách nhiệm quản lý 79,6 m <sup>2</sup> đất nằm trong chỉ giới đường đỏ, không xây dựng công trình kiên cố, khi Thành phố thu hồi phải bàn giao theo quy định (ký hợp đồng thuê đất hàng năm).	Hiện đang sử dụng làm Trụ sở văn phòng Công ty, có 01 toà nhà Văn phòng 08 tầng.

## 2. Các cơ sở nhà, đất tại khối Tân Hòa, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**Hiện trạng pháp lý:** Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 761023 ngày 21/07/2006. Công ty đang ký hợp đồng thuê đất dài hạn và trả tiền thuê đất hàng năm với UBND tỉnh Nghệ An. Khi thực hiện cổ phần hóa, Công ty đã xây dựng phương án sử dụng đất là thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm và báo cáo UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt. Hiện nay chưa có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Nghệ An.

Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng đất	Tình trạng
20.842,4	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh. Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm. Thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 07/6/2056	Hiện đang sử dụng làm nhà máy và nhà sản xuất chính, kho tàng chứa nguyên liệu và thành phẩm

## 3. Các cơ sở nhà, đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng

**Hiện trạng pháp lý:** Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 1210450 ngày 21/11/2008. Công ty đang ký hợp đồng thuê đất dài hạn và trả tiền thuê đất hàng năm với UBND Thành phố Hải Phòng. Khi thực hiện cổ phần hóa, Công ty đã xây dựng phương án sử dụng đất là thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm và báo cáo UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt. Hiện nay chưa có văn bản chấp thuận của UBND thành phố Hải Phòng.

Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng đất	Tình trạng
19.805,0	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh. Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm. Thời hạn sử dụng đất kể từ ngày 17/11/2008 đến ngày 02/8/2042	Hiện đang có 02 dây chuyền sản xuất Bột mì, nhà văn phòng, kho tàng chứa nguyên liệu và thành phẩm

#### IV. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ

##### 1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

Theo Quyết định số 181/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 22/06/2016 của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1, giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2015 để cổ phần hóa như sau:

- **Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp: 395.208.539.550 đồng**
- **Giá trị thực tế phần vốn Tổng công ty lương thực Miền Bắc đầu tư tại Công ty: 242.192.395.177 đồng**

Bảng kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa cụ thể như sau:

**BẢNG BIỂU 9: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa**

TT	Nội dung	Giá trị sổ kế toán (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Chênh lệch (đồng)
<b>A</b>	<b>Tài sản đang dùng</b>	<b>373.161.737.618</b>	<b>395.208.539.550</b>	<b>22.046.801.932</b>
<b>1</b>	<b>Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>164.576.391.335</b>	<b>185.887.808.416</b>	<b>21.311.417.081</b>
1.1	Tài sản cố định	164.576.391.335	185.887.808.416	21.311.417.081
a	Tài sản cố định hữu hình	164.576.391.335	185.887.808.416	21.311.417.081
b	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
1.2	Phải thu dài hạn	12.500.000	12.500.000	-
1.3	Chi phí trả trước dài hạn	496.320.654	1.076.221.830	579.901.176
<b>2</b>	<b>Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>208.076.525.629</b>	<b>208.075.878.032</b>	<b>(647.597)</b>
2.1	Tiền	15.283.729.805	15.283.079.408	(650.397)
	+ Tiền mặt tồn quỹ	671.624.830	671.626.000	1.170
	+ Tiền gửi Ngân hàng	2.552.104.975	2.551.453.408	(651.567)
	+ Tiền đang chuyển	12.060.000.000	12.060.000.000	-
2.2	Các khoản tương đương tiền	9.000.000.000	9.000.000.000	-
2.3	Đầu tư tài chính ngắn hạn	230.000.000	230.000.000	-
2.4	Các khoản phải thu	69.674.297.927	69.674.297.927	-

2.5	Hàng tồn kho	113.619.091.873	113.619.094.673	2.800
2.6	Tài sản ngắn hạn khác	269.406.024	269.406.024	-
<b>3</b>	<b>Giá trị lợi thế kinh doanh DN</b>	-	<b>156.131.273</b>	<b>156.131.273</b>
<b>4</b>	<b>Giá trị quyền sử dụng đất</b>	-	-	-
<b>B</b>	<b>Tài sản không cần dùng (Giá trị còn lại theo sổ sách)</b>	-	-	-
<b>1</b>	<b>Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	-	-	-
1.1	TSCĐ	-	-	-
1.2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
1.3	Chi phí XDCB dở dang	-	-	-
1.4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
<b>2</b>	<b>Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	-	-	-
2.1	Công nợ không đòi được	-	-	-
2.2	Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	-	-	-
<b>C</b>	<b>Tài sản chờ thanh lý</b>	-	-	-
1	TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
2	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
<b>D</b>	<b>Tài sản hình thành từ quỹ Phúc lợi, khen thưởng</b>	-	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)</b>		<b>373.161.737.618</b>	<b>395.208.539.550</b>	<b>22.406.801.932</b>
	Trong đó:			
Tổng giá trị thực tế của DN (Mục A)		373.161.737.618	395.208.539.550	22.046.801.932
E1	Nợ thực tế phải trả	153.016.125.411	153.016.144.373	18.962
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A-(E1+E2))</b>		<b>220.145.612.207</b>	<b>242.192.395.177</b>	<b>22.046.782.970</b>

## 2. Về báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp

Theo lưu ý tại Báo cáo xác định Giá trị doanh nghiệp do Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá miền Nam lập: Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực hợp lý của các số liệu và thông tin trên sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính và các biên bản kiểm kê tại thời điểm 31/12/2015.

Đến thời điểm phát hành biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 và đơn vị thẩm định giá đã tiến hành đối chiếu được phần lớn các khoản công nợ, khoảng 99,7% giá trị công nợ phải thu và 96,2% giá trị công nợ phải trả. Cụ thể, giá trị công nợ phải thu có biên bản đối chiếu là

69.475.742.477 đồng trên tổng giá trị công nợ phải thu là 69.674.297.927 đồng và giá trị công nợ phải trả có biên bản đối chiếu là 147.209.535.343 đồng trên tổng giá trị công nợ phải trả là 153.016.125.411 đồng. Nguyên nhân do một số biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đã gửi đi đối chiếu nhưng đến thời điểm phát hành Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, khách hàng chưa gửi lại.

Đối với các khoản công nợ không có đối chiếu, đơn vị thẩm định giá ghi nhận theo giá trị sổ sách kế toán. Trong thời gian sau khi Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp được lập đến khi Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 chuyển sang Công ty cổ phần, đề nghị Công ty tiếp tục đôn đốc, hoàn thiện việc đối chiếu công nợ. Sau khi thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, nếu có chênh lệch sẽ được làm rõ và điều chỉnh cho phù hợp.

Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng, đơn vị thẩm định giá đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Vietinbank công bố tại thời điểm 31/12/2015.

## **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Điểm mạnh và sự khác biệt**

- Sản phẩm bột mì là sản phẩm có dung lượng thị trường lớn và tốc độ tăng trưởng nhanh, khối lượng tiêu thụ bình quân đầu người tại Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực.
- Công ty là một trong số ít doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoạt động trong lĩnh vực xay nghiền lúa mì và có chủ trương thu hút vốn đầu tư bên ngoài tham gia đầu tư vào Công ty (phần lớn các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực xay nghiền lúa mì là các doanh nghiệp FDI, hoạt động kinh doanh rất có hiệu quả và chưa có nhu cầu thoái vốn). Đây là cơ hội cho các thành phần kinh tế ngoài xã hội tham gia đầu tư vốn vào hoạt động này của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1;
- Công ty có 01 nhà máy đặt tại thành phố Vinh, đã đưa vào sử dụng trong thời gian khá dài, giá trị còn lại không đáng kể trong khi công năng sử dụng vẫn tương đối tốt. Đây là lợi thế để bù đắp chi phí vận chuyển, góp phần giảm giá thành cho các sản phẩm sản xuất và phân phối trên địa bàn các tỉnh Bắc Trung Bộ - nơi các doanh nghiệp chế biến lúa mì khác chưa có cơ sở chế biến để cạnh tranh.

### **2. Cơ hội**

- Tại thị trường nội địa, Công ty có cơ hội mở rộng thị phần tại một thị trường đang phát triển mạnh, nhiều tiềm năng. Quy mô thị trường với dân số khoảng 90 triệu dân là rất lớn và có nhiều yếu tố thuận lợi. Khi thu nhập và mức sống của người dân càng tăng thì tỷ trọng các sản phẩm chế biến từ bột mì trong thực đơn của người dân sẽ cao hơn so với trước, thúc đẩy lượng cầu về các sản phẩm của Công ty.

- Công ty có cơ hội tổ chức lại hoạt động của mình, tập trung vào công tác quản trị, tối ưu hóa sản xuất, đặc biệt tăng cường công tác quản trị mua hàng, quản trị sản xuất và quản trị bán hàng khi cổ phần hóa. Đây chính là dư địa để giảm lãng phí, tăng tiết kiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động.

### **3. Thách thức**

- Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ. Tại thị trường phía Bắc, Vimaflour tiếp tục là đối thủ lớn nhất của Công ty, với quy mô lớn, công nghệ hiện đại, trình độ quản trị tiên tiến và nhất là có sự hỗ trợ từ Công ty mẹ - Tập đoàn MFMB - một tập đoàn rất lớn của Malaysia. Ngoài ra, các doanh nghiệp FDI khác như VFM... vẫn đang tiếp tục chiến lược hạ giá bán để gia tăng thị phần phía Bắc sẽ gây sức ép không nhỏ lên sản phẩm của Công ty;

- Việc mở rộng thị trường nội địa khu vực các tỉnh, thành phố lớn nơi Công ty đặt nhà máy sẽ gặp nhiều khó khăn do đây cũng là khu vực tập trung các nhà máy xay nghiền lúa mì lớn của các đối thủ cạnh tranh.

- Áp lực từ việc gia tăng chi phí ngày càng cao, đặc biệt là chi phí tiền lương và chính sách bảo hiểm cho người lao động;

Do đó, để đảm bảo năng lực cạnh tranh của Công ty trong giai đoạn sắp tới, việc cổ phần hóa công ty chính là giải pháp cốt lõi để thay đổi công tác quản trị, tăng quyền chủ động, linh hoạt cho doanh nghiệp trong việc ra quyết định, nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận cho Công ty và nâng cao thu nhập, đời sống cho người lao động.



## PHẦN II

### PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

#### I. MỤC TIÊU CỔ PHẦN HÓA

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước tại Quyết định số 1360/QĐ-TTg ngày 17/8/2015 của Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Bắc và văn bản số 242/BNN-QLDN ngày 12/01/2016 về việc cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đã xây dựng phương án cổ phần hóa nhằm mục tiêu:

- Đổi mới hình thức sở hữu, tạo điều kiện đổi mới trong quản lý, doanh nghiệp năng động, tự chủ và trách nhiệm hơn, phù hợp với cơ chế thị trường.
- Huy động và thu hút vốn đầu tư của các cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước, thông qua đó tạo nguồn lực để phát triển doanh nghiệp, đổi mới công nghệ và phương thức quản lý, nâng cao sức cạnh tranh trong điều kiện mới.
- Nâng cao kết quả kinh doanh của công ty sau khi cổ phần hóa, giải quyết các vấn đề về tiền lương và chính sách người lao động, đóng góp nhiều hơn cho ngân sách Nhà nước.

Việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 thành công sẽ phát huy vai trò làm chủ thực sự, gắn chặt trách nhiệm và quyền lợi của người lao động, cổ đông, đại diện chủ sở hữu, các cấp quản trị doanh nghiệp - đạt được mục tiêu kinh doanh có hiệu quả; Tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp; Bảo đảm hài hòa lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động; Góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

#### II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

##### 1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đề xuất lựa chọn hình thức "**Bán bớt một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp**" theo Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

##### 2. Thông tin công ty cổ phần

###### 2.1 Tên gọi

- Tên tiếng việt: **Công ty cổ phần Bột mì Vinafood 1**
- Tên tiếng Anh: **Vinafood 1 Flour Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **VNF1 FLOUR. JSC**

###### 2.2 Trụ sở chính

- Địa chỉ trụ sở: **Số 94 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

- Điện thoại: (84 – 4) 6278 2448
- Fax: (84 – 4) 6278 2457
- Website: [www.vnf1flour.com.vn](http://www.vnf1flour.com.vn)
- Email: [vnf1flour@vnf1flour.com.vn](mailto:vnf1flour@vnf1flour.com.vn)

### 2.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh tại thời điểm thích hợp. Hiện tại, để kế thừa các ngành nghề kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh thành phố Hà Nội cấp theo giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 0107151079 cấp lần đầu ngày 01/12/2015, dự kiến các ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần bao gồm:

#### 1.1 Ngành, nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, bột mỳ và các sản phẩm từ bột mỳ; Sản xuất, kinh doanh các loại nguyên liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi giá súc	1079 (Chính)

#### 1.2 Ngành, nghề kinh doanh khác

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán, đại lý phân bón	4669
2	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán bột mỳ và các sản phẩm từ bột mỳ Mua bán lương thực thực phẩm	4632
3	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán hàng nông sản; Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc	4620
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng	8299

### 3. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của công ty cổ phần

Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1 sẽ được bố trí theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bao gồm;

- **Đại hội đồng cổ đông:** bao gồm tất cả các cổ đông của Công ty;
- **Hội đồng quản trị:** dự kiến có từ 03 đến 05 thành viên, số lượng cụ thể do kết quả bán cổ phần và ĐHĐCĐ quyết định;

- **Ban Kiểm soát:** dự kiến **03 thành viên;**
- **Ban (Tổng) Giám đốc:** bao gồm Giám đốc (Tổng Giám đốc), các Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng.
- **Các ban chức năng tại Văn phòng Công ty** kế thừa tổ chức của các phòng ban nghiệp vụ của Công ty TNHH MTV và bổ sung thêm một số nhân sự cho phù hợp cụ thể:

- + Ban Tổ chức Hành Chính: 11 người;
- + Ban Tài chính Kế toán: 04 người;
- + Ban Kinh doanh: 10 người;
- + Ban Công nghệ và Đảm bảo chất lượng: 01 - 03 người;
- + Ban Kinh tế Đối ngoại: 01 - 03 người.

**- Các đơn vị trực thuộc:**

Trên cơ sở các địa điểm kinh doanh hiện nay để thành lập các chi nhánh gồm:

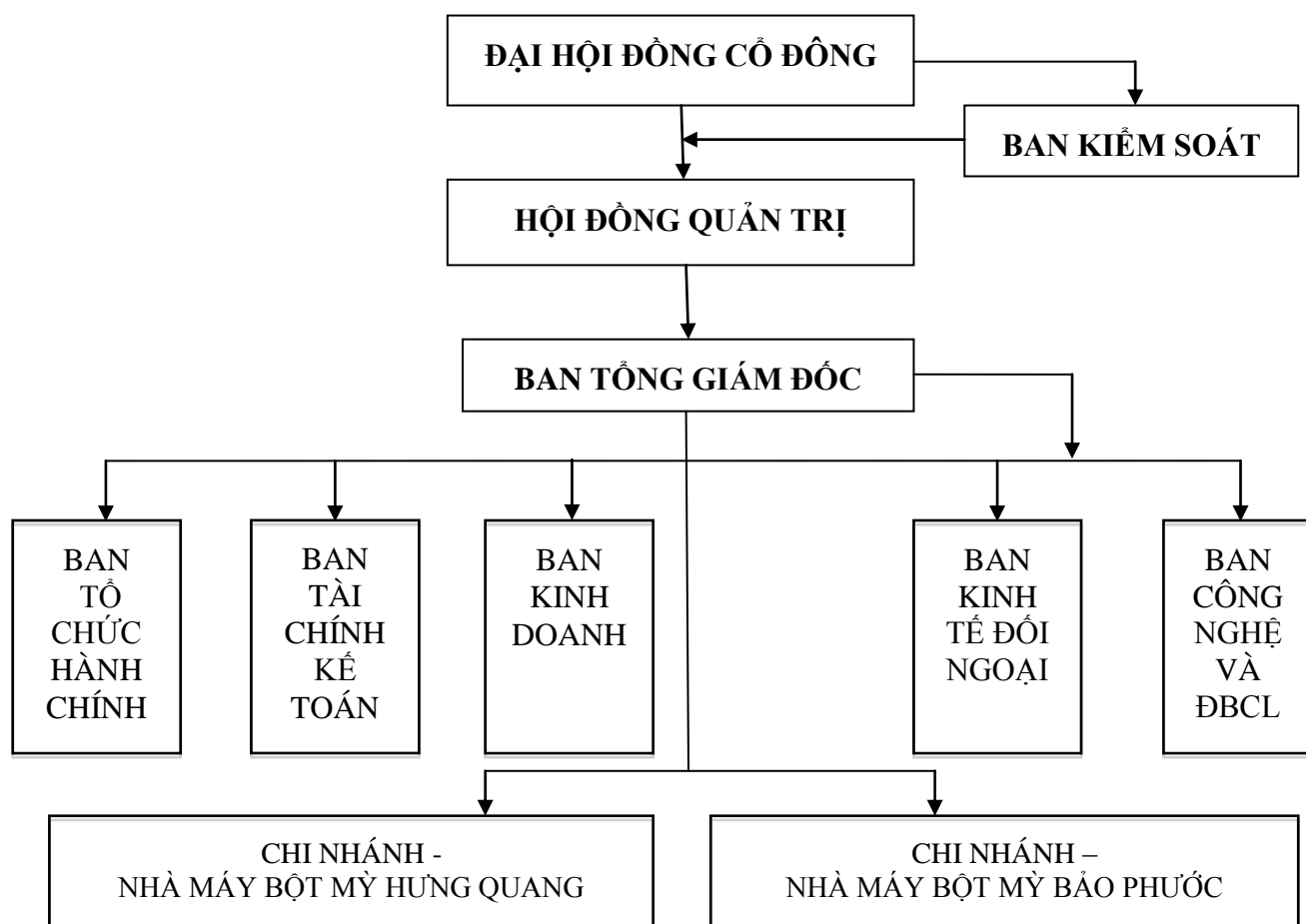
- Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang – Chi nhánh Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1

- Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước – Chi nhánh Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1

- **Các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội:** bao gồm Đảng bộ, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty.

Khái quát tại sơ đồ kèm theo.

**SƠ ĐỒ 2: DỰ KIẾN MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN**



#### 4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

##### 5.1 Cơ sở xây dựng vốn điều lệ

- Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị phần vốn nhà nước của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 thời điểm 31/12/2015 - theo Quyết định số 181/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 22/06/2016 của Tổng công ty Lương thực miền Bắc, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 là **395.208.539.550 đồng**. Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Tổng công ty Lương thực miền Bắc tại doanh nghiệp: 242.192.395.177 đồng;
- Căn cứ tình hình thị trường chứng khoán;
- Căn cứ kinh nghiệm thực tiễn của hoạt động sản xuất kinh doanh các năm trước khi cổ phần hóa và kế hoạch xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa.

##### 5.2 Vốn điều lệ công ty cổ phần

Để đảm bảo hiệu quả hoạt động, cổ phần hóa nhằm tạo ra một cấu trúc tài chính lành mạnh, làm tiền đề cho sự phát triển ổn định và bền vững của doanh nghiệp sau khi chuyển đổi đồng thời tạo nguồn vốn chủ động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp đã xác định nhu cầu vốn điều lệ của công ty cổ phần như sau:

- Vốn điều lệ : **242.000.000.000 đồng** (Hai trăm bốn mươi hai tỷ đồng).
- Mệnh giá một cổ phần : **10.000 đồng**
- Số lượng cổ phần : **24.200.000 cổ phần**

##### 5.3 Cơ cấu vốn điều lệ

Theo quyết định số 1360/QĐ-TTg ngày 17/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Bắc, khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1, Tổng công ty Lương thực miền Bắc nắm giữ 65% vốn điều lệ. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp đã xây dựng dự kiến cơ cấu vốn điều lệ của các cổ đông như sau:

**BẢNG BIỂU 10: Cơ cấu vốn điều lệ - Công ty cổ phần**

TT	Danh mục	Tỷ lệ	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ do Tổng công ty Lương thực miền Bắc đại diện sở hữu	65,00%	15.730.000	157.300.000.000
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động <i>Trong đó:</i>	0,99%	240.200	2.402.000.000
	<i>-Cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo năm</i>	<i>0,61%</i>	<i>148.100</i>	<i>1.481.000.000</i>

TT	Danh mục	Tỷ lệ	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (đồng)
	<i>làm việc trong khu vực nhà nước;</i>			
	- <i>Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài.</i>	0,38%	92.100	921.000.000
3	Cổ phần bán đấu giá công khai	34,01%	8.229.800	82.298.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>24.200.000</b>	<b>242.000.000.000</b>

## 5. Đối tượng mua cổ phần

### 5.1 Đối tượng mua cổ phần

Theo Điều 6 của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản hướng dẫn thi hành, đối tượng mua cổ phần lần đầu của Công ty khi cổ phần hóa bao gồm:

- Cán bộ công nhân viên của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 có mặt tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 22/06/2016.
- Các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia mua cổ phần bán đấu giá công khai.

Trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đã tích cực tìm kiếm các đối tác chiến lược, tuy nhiên đến thời điểm xây dựng Phương án cổ phần hóa vẫn chưa có đối tác chiến lược tiếp xúc và bày tỏ quan tâm tham gia mua cổ phần với tư cách nhà đầu tư chiến lược. Do đó, để đảm bảo tính hấp dẫn của Phương án cổ phần hóa và tăng cường tính công khai, minh bạch và khuyến khích các nhà đầu tư tham gia mua cổ phần, từ đó tăng hiệu quả thu được từ cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đề xuất thực hiện bán đấu giá công khai số cổ phần còn lại ra công chúng.

### 5.2 Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên theo năm làm việc trong khu vực nhà nước

Cổ phần ưu đãi giảm giá (giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất) theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

- Tổng số lao động trong danh sách cán bộ công nhân viên của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 có tên trong danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 22/06/2016: **159 người**.

- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 136 người; 09 người không đủ điều kiện do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm tại thời điểm công bố

giá trị doanh nghiệp và 14 người không nằm trong danh sách lao động thường xuyên của Công ty tại 22/06/2016.

- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 136 người; 0 người đủ điều kiện nhưng không đăng ký mua cổ phần.

- Tổng số năm làm việc trong khu vực nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: **1.481 năm**.

- Số cổ phần giá ưu đãi của **136** cán bộ công nhân viên đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước: **148.100 cổ phần**.

*(Danh sách người lao động mua theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước kèm theo).*

### **5.3 Cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên theo năm cam kết làm việc tại công ty cổ phần.**

**Đối tượng được quyền mua:** Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc tiếp lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm.

**Tiêu chí bán cổ phần cho người lao động mua thêm theo năm cam kết làm việc tại công ty:**

- **Mức mua 200 cổ phần/năm cam kết làm việc:** áp dụng đối với người lao động là cán sự, nhân viên phục vụ, công nhân, lao động phổ thông. Người lao động được quyền mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần/người lao động.

- **Mức mua 500 cổ phần/năm cam kết làm việc:** áp dụng đối với người lao động có trình độ Kỹ sư, Cử nhân và hoặc các chức danh từ Tổ phó trở lên làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần/người lao động.

Công ty đã tổ chức đăng ký mua cổ phần công khai minh bạch đến người lao động, kết thúc thời gian đăng ký, số lượng cổ phần người lao động đăng ký mua theo các tiêu chí nêu trên như sau:

*Mức mua 200 cổ phần/năm cam kết làm việc: có 24 người lao động đăng ký mua, số lượng cổ phần cam kết 16.600 cổ phần.*

*Mức mua 500 cổ phần/năm cam kết làm việc: có 36 người lao động đăng ký mua, số lượng cổ phần cam kết 75.500 cổ phần.*

**Giá bán:** giá bán bằng giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần

### **5.4 Cổ phần bán cho Tổ chức Công đoàn**

Do nguồn quỹ hạn chế, Tổ chức Công đoàn tại Công ty TNHH MTV Bột mì

Vinafood 1 không tham gia mua cổ phần trong đợt phát hành lần đầu để cổ phần hóa của doanh nghiệp.

## 5.5 Cổ phần bán đấu giá công khai

Số cổ phần bán đấu giá sẽ được bán cho các nhà đầu tư theo hình thức bán đấu giá công khai thông qua Sở giao dịch chứng khoán. Cụ thể như sau:

**Số cổ phần tổ chức bán đấu giá công khai: 8.229.800 cổ phần** (tương đương 34,01% vốn điều lệ đề xuất).

– Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

## 6. Tổ chức bán cổ phần

### 6.1 Giá khởi điểm

Căn cứ giá trị doanh nghiệp, tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay và dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong tương lai, Công ty đề xuất mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần: **10.000 đồng/cổ phần**.

### 6.2 Thời gian bán đấu giá cổ phần

Sau khi được Tổng công ty Lương thực miền Bắc phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty sẽ triển khai kế hoạch bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài. Căn cứ kết quả bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài thành công, Công ty tiến hành bán cổ phần và thu tiền mua cổ phần của người lao động đã đăng ký mua.

### 6.3 Cơ quan bán cổ phần

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, toàn bộ cổ phần bán đấu giá của doanh nghiệp sẽ được tổ chức bán tại Sở giao dịch chứng khoán. Công ty đề xuất lựa chọn Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội làm tổ chức trung gian thực hiện đấu giá.

## 7. Chi phí cổ phần hóa

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa 31/12/2015, tổng giá trị tài sản trên sổ sách kế toán Công ty TNHH MTV Bọt mỳ Vinafood 1 là **373.161.737.618** đồng, theo quy định, Công ty đã lập dự toán chi phí cổ phần hóa là: **1.093.000.000 đồng**. Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa, tối đa không vượt quá định mức quy định theo quyết định của Tổng công ty. Chi tiết dự toán như sau:

**BẢNG BIỂU 11: Dự toán chi phí cổ phần hóa doanh nghiệp**

STT	Khoản mục	Số tiền (vnd)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp</b>	<b>288.000.000</b>	
1	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản	2.000.000	
2	Chi phí tuyên truyền, tập huấn chính sách CPH	14.000.000	

STT	Khoản mục	Số tiền (vnd)	Ghi chú
3	Chi phí HN CNVC để triển khai cổ phần hoá	131.000.000	
4	Chi phí đăng báo công bố thông tin, tuyên truyền về Cty	20.000.000	
5	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu	71.000.000	
6	Chi phí văn phòng phẩm, đăng ký KD, in Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, chi phí dự phòng.	50.000.000	
<b>II</b>	<b>Chi phí thuê tư vấn</b>	<b>510.000.000</b>	
1	Xác định giá trị doanh nghiệp	110.000.000	
2	Tư vấn cổ phần hoá	100.000.000	
3	Chi phí bán CP lần đầu qua Sở GD CK	250.000.000	
4	Kiểm toán BCTC, kiểm tra quyết toán thuế	50.000.000	
<b>III</b>	<b>Thù lao Ban chỉ đạo CPH, Tổ giúp việc</b>	<b>295.000.000</b>	
1	Ban chỉ đạo CPH	200.000.000	
2	Tổ giúp việc Ban chỉ đạo	95.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.093.000.000</b>	

## 8. Quản lý và sử dụng số tiền thu được từ cổ phần hóa

Tổng số tiền thu được từ cổ phần hoá doanh nghiệp sẽ được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa. Việc tính toán số tiền này dựa trên các giả định: giá đầu giá thành công thấp nhất bằng giá khởi điểm (10.000 đồng/cổ phần) và số lượng cổ phần chào bán được bán hết. Số liệu cuối cùng sẽ căn cứ theo kết quả thực tế quá trình bán cổ phần để cổ phần hóa của doanh nghiệp.

**BẢNG BIỂU 12: Tính toán tiền thu từ cổ phần hóa**

STT	Nội dung chi tiết	ĐVT	Diễn giải	Giá trị
<b>1</b>	<b>Vốn nhà nước hiện có</b>	<b>Đồng</b>	<b>QĐ phê duyệt GTDN</b>	<b>242.192.395.177</b>
<b>2</b>	<b>Vốn điều lệ dự kiến</b>	“		<b>242.000.000.000</b>
3	Dự kiến hoàn ngân sách	“	= Mục 1 -2	192.395.177
<b>4</b>	<b>Cơ cấu vốn điều lệ</b>	“	<b>Dự kiến</b>	<b>242.000.000.000</b>
a	Nhà nước 65%	“	Theo quyết định 1360/QĐ-TTg ngày 17/8/2015	157.300.000.000
b	Cổ đông khác 35%	“	= Mục 2 - 4a	84.700.000.000
<b>5</b>	<b>Bán phần vốn Nhà nước</b>	“	<b>= (mục 1- 2a)</b>	<b>84.700.000.000</b>
<b>6</b>	<b>Số cổ phần phát hành</b>	<b>CP</b>	<b>= mục 4b:10.000 đ/CP</b>	<b>8.470.000</b>
<b>7</b>	<b>Cơ cấu bán cổ phần</b>	<b>CP</b>	<b>= mục 6</b>	<b>8.470.000</b>
a	<i>Bán ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc tại khu vực nhà nước</i>	“	<i>Danh sách kèm theo</i>	<i>148.100</i>



STT	Nội dung chi tiết	ĐVT	Diễn giải	Giá trị
b	Bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài	“	Danh sách kèm theo	92.100
c	Nhà đầu tư khác theo hình thức đấu giá	“		8.229.800
<b>8</b>	<b>Dự kiến giá bán</b>	<b>đ/CP</b>		
a	Giá khởi điểm đề xuất	“	Đề xuất	10.000
b	Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc tại khu vực nhà nước	“	= mục 8a x 60%	6.000
c	Giá bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài	“	Giá đấu thành công thấp nhất	10.000
<b>9</b>	<b>Số tiền thu từ phát hành CP</b>	<b>Đồng</b>		<b>84.107.600.000</b>
a	Bán cho người lao động	“	= mục 7a x 8b	888.600.000
b	Bán theo cam kết làm việc	“	= mục 7b x 8c	921.000.000
e	Bán cho các nhà đầu tư khác	“	= mục 7c x 8a	82.298.000.000
<b>10</b>	<b>Sử dụng tiền thu sau phát hành</b>	<b>Đồng</b>	<b>= mục 9</b>	<b>84.107.600.000</b>
a	Trừ chi phí	“		1.335.358.280
	- Chi phí CPH			1.093.000.000
	- Chi phí Giải quyết lao động			242.358.280
b	Số tiền chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại Công ty mẹ Tổng công ty Lương thực miền Bắc	“	= mục 10 - 10a + mục 3	82.964.636.897

## 9. Sắp xếp lại lao động

Thực hiện văn bản số 242/BNN-QLDN ngày 12/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc, doanh nghiệp đã từng bước thực hiện phương án sắp xếp lại tổ chức bộ máy và nhân lực, cụ thể như sau:

Việc sắp xếp lao động của Công ty được xây dựng trên cơ sở đánh giá về hiện trạng nhân lực và yêu cầu sản xuất kinh doanh tại các nhà máy, văn phòng của Công ty.

Sau khi chuyển sang công ty cổ phần, ngoại trừ bộ phận quản lý doanh nghiệp (ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS), doanh nghiệp sẽ kế thừa bộ máy tổ chức hiện nay. Do đó, trên cơ sở kế thừa lực lượng lao động tương ứng theo mô hình tổ chức, khi chuyển sang CTCP, Công ty đã xây dựng phương án sắp xếp việc làm cho 154 lao động, dự kiến giải quyết chế độ hưu trí cho 01 lao động đến tuổi về hưu và xem xét giải quyết chế độ cho 04 lao động dôi dư tại Nhà máy bột mì Hưng Quang. Riêng đối với những lao động là Người đại diện vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp, việc sắp xếp và bố

trí việc làm sẽ được thực hiện theo các quyết định có liên quan của Tổng công ty Lương thực miền Bắc, ĐHĐCĐ và HĐQT của công ty cổ phần.

**BẢNG BIỂU 13: Kế hoạch sắp xếp lao động của doanh nghiệp**

TT	Bộ phận	Lao động có tại thời điểm 22/6/2016	Lao động dự kiến nghỉ việc	Lao động chuyển sang công ty cổ phần
1	Văn phòng	32	0	32
2	Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước	82	0	82
3	Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang	45	5	40
	<b>Tổng</b>	<b>159</b>	<b>5</b>	<b>154</b>

Trong số 05 lao động dự kiến nghỉ việc của Công ty tại Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang có:

**01 lao động** dự kiến về hưu theo quy định của pháp luật về lao động;

**04 lao động** dự kiến chi trả chính sách lao động dôi dư như theo Quy định tại Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu. Số tiền dự kiến chi trả: 242.358.280 đồng.

Sau khi có quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa, Công ty sẽ tiến hành rà soát lại danh sách, dự kiến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động và tính toán lại chế độ đối với người lao động dôi dư; hoàn thiện lại phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư trình các bên liên quan và cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định tại Khoản 10, Điều 3 Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH.

Để phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa, Công ty dự kiến số lượng lao động cần đào tạo: 13 lượt người với các ngành nghề và thời gian đào tạo như sau:

**BẢNG BIỂU 14: Kế hoạch đào tạo sau khi cổ phần hóa**

TT	Chương trình đào tạo	Số lượng (người)	Kinh phí (đồng)	Thời gian
1	Nghiệp vụ Tài chính kế toán, Kinh doanh, Marketing	6	5.000.000/người	2016-2018
2	Nghiệp vụ Quản lý lao động, tiền lương	02	5.000.000/người	2016-2018
3	Quản lý sản xuất	05	4.500.000/người	2016-2018
	<b>Tổng cộng</b>	<b>13</b>		

## **10. Phương án sử dụng đất đai**

Theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đã xây dựng phương án sử dụng 03 thửa đất theo hình thức nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm trình các cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Hiện nay, mới chỉ có UBND Thành phố Hà Nội có văn bản chấp thuận phương án của Công ty, UBND tỉnh Nghệ An và Thành phố Hải Phòng chưa có văn bản trả lời.

Nội dung các Phương án sử dụng đất cụ thể như sau:

**PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI CỔ PHẦN HÓA – CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỠ VINAFOOD 1**

TT	Địa điểm sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý	Diện tích đang sử dụng (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất hiện nay	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa		
					Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phương án sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất
1	Thửa đất số 94 phố Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 985634 ngày 19/01/2012. CV số 3490/UBND-KT của UBND Tp Hà Nội về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1 trên địa bàn thành phố Hà Nội khi thực hiện cổ phần hóa	408,3 m <sup>2</sup> trong đó có 79,6 m <sup>2</sup> đất nằm trong chỉ giới đường đỏ	50 năm kể từ ngày 15/10/1993	328,7 m <sup>2</sup> làm trụ sở làm việc và cơ sở kinh doanh theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm và phải phù hợp với quy hoạch của Thành phố. 79,6 m <sup>2</sup> đất nằm trong chỉ giới đường đỏ, không xây dựng công trình kiên cố, khi Thành phố thu hồi phải bàn giao theo quy định ( <i>ký hợp đồng thuê đất hàng năm</i> ).	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm. Sử dụng làm trụ sở chính của Công ty	Làm văn phòng làm việc và cơ sở kinh doanh của Công ty
2	Khối Tân Hòa, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 761023 ngày 21/07/2006	20.842,4	Đến hết ngày 07/06/2056	20.842,4	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm. Sử dụng làm trụ sở và nhà máy sản xuất chế biến Bột mỳ của Công ty	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
3	Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 1210450 ngày 21/11/2008	19.805,0	Kể từ ngày 17/11/2008 đến ngày 02/08/2042	19.805,0	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm. Sử dụng làm nhà máy sản xuất chế biến Bột mỳ của Công ty	Làm nhà máy xay xát bột mỳ

### **III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA.**

#### **1. Một số dự báo**

##### **1.1. Tình hình kinh tế - xã hội**

Bình quân giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt khoảng 5,91%, mặc dù thấp hơn so với giai đoạn 2006-2010, nhưng đặt trong bối cảnh nền kinh tế phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức và kinh tế thế giới thường xuyên xuất hiện nhiều nhân tố bất lợi thì đây vẫn là mức tăng tương đối tốt. Hơn thế nữa, xu hướng phục hồi kinh tế ngày càng rõ nét kể từ năm 2013, tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Tăng trưởng năm 2015 đạt 6,68%, vượt mục tiêu đề ra là 6,2% và là mức cao nhất trong cả giai đoạn 2011-2015. Bên cạnh đó, GDP bình quân đầu người cũng tăng hơn 40%, từ 1.532 USD/người năm 2011 lên 2.171 USD/người năm 2015, trong bối cảnh lạm phát được duy trì ở mức thấp đã góp phần nâng cao mức sống thực tế của người dân.

Lạm phát được kiểm soát nhờ thực hiện tốt, đồng bộ các giải pháp về tiền tệ tín dụng và tài khóa cũng như cơ chế phối hợp linh hoạt giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Chỉ số CPI giảm từ 18,13% năm 2011 xuống 1,84% năm 2014 và 0,6% năm 2015 - thấp nhất trong vòng 14 năm qua.

Thực hiện tái cơ cấu các NHTM, các văn bản quy phạm pháp luật về tài chính trong lĩnh vực tín dụng - ngân hàng tiếp tục được rà soát và hoàn thiện, NHNN đã phê duyệt phương án cơ cấu lại đối với các NHTM cổ phần yếu kém, qua đó năng lực tài chính và khả năng chi trả của các tổ chức tín dụng được cải thiện. Bên cạnh đó, nhiều giải pháp cũng đã được triển khai để phát hiện, xử lý và ngăn chặn tình trạng sở hữu chéo, đầu tư chéo đang diễn ra hiện nay.

Tuy nhiên, theo các dự báo, do các yếu tố không thuận lợi về thời tiết như hạn hán nghiêm trọng, đất canh tác bị xâm thực mặn gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp, tiêu dùng cá nhân và tốc độ đầu tư đều chậm lại nên tốc độ tăng trưởng GDP có thể chỉ đạt 6,2%, thấp hơn so với mức 6,68% trong năm 2015.

##### **1.2. Đặc điểm tình hình ngành nghề kinh doanh của Công ty**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp bột mì và các sản phẩm liên quan đến bột mì... để phục vụ cho nhu cầu lương thực thực phẩm trong và ngoài nước.

Lương thực là nguồn sản phẩm thiết yếu đối với người dân, song song với quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa tại Việt Nam, nhu cầu về lương thực thực phẩm mà đặc biệt là các mặt hàng thức ăn nhanh sẽ ngày một tăng cao. Bột mì là nguồn nguyên liệu chủ yếu trong sản xuất các sản phẩm tiêu dùng nhanh như bánh mì, mì gói, bánh kẹo... vì vậy, ngành sản xuất bột mì hứa hẹn sẽ còn nhiều tiềm năng phát triển.

#### **2. Mục tiêu và định hướng phát triển công ty cổ phần:**

Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình mới, doanh nghiệp xây dựng mục tiêu, định hướng của công ty cổ phần như sau:

##### **2.1. Mục tiêu**

- Tái cấu trúc và xây dựng Công ty Bột mì Vinafood 1 mạnh hơn, hiệu quả hơn trên

Cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao.
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Xây dựng doanh nghiệp thành một đơn vị đi đầu trong lĩnh vực sản xuất bột mì tại Việt Nam.

## **2.2. Định hướng:**

**2.2.1. Liên kết:** Các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết các bộ phận trong doanh nghiệp tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn như việc sản xuất bánh mì, các sản phẩm từ bột mì.

### **2.2.2. Định hướng ngành nghề và sản phẩm**

Phát triển vững chắc - tập trung thực hiện tốt các gói hợp đồng cung cấp sản phẩm đã ký với các khách hàng, đối tác. Không ngừng nâng cao tiêu chuẩn chất lượng các sản phẩm đầu ra của Công ty đáp ứng đa dạng hóa nhu cầu của các khách hàng.

### **2.2.3. Về kỹ thuật, công nghệ**

Không ngừng đổi mới, nâng cấp các trang bị thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, tạo ra giá trị gia tăng cao. Hợp tác với đối tác nước ngoài trong chuyên gia công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quá trình vận hành các dây chuyền sản xuất của Công ty, đảm bảo tiêu chuẩn khắt khe.

### **2.2.4. Đổi mới**

Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm bột mì tại Việt Nam.

## **3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

### **3.1 Cơ sở xây dựng kế hoạch**

Kế hoạch kinh doanh của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 được xây dựng dựa trên một số các cơ sở và dự báo như sau:

- Công ty được đảm bảo vốn vay từ ngân hàng kịp thời với lãi suất vay VND trong khoảng từ 7-8%/năm;
- Giá lúa mì trên thế giới biến động trong khoảng từ 2-3%/năm;
- Tỷ giá ngoại tệ ổn định; lạm phát không tăng.
- Các chính sách thuế như thuế TNDN, thuế xuất, nhập khẩu... ổn định.
- Công ty là đơn vị có truyền thống, hoạt động uy tín, có nguồn khách hàng lớn và nhận được sự hỗ trợ, hậu thuẫn từ Tổng công ty Lương thực miền Bắc;
- Các yếu tố sau thời gian dài biến động như : chi phí xăng dầu , điện nước, tiền lương và các khoản trích theo lương của người lao động ...đến nay đã dần đi vào ổn định làm

giảm áp lực chi phí của doanh nghiệp;

Trên cơ sở dự báo, nhận định trước tình hình mới, mục tiêu và nguồn lực mới, và kế thừa các kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa 2017-2019 tại các phần sau.

### 3.2 Tổng hợp một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh

**BẢNG BIỂU 15: Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của Công ty cổ phần**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
<b>1</b>	<b>Vốn điều lệ CTCP</b>	<b>Trđ</b>	242.000	242.000	242.000	242.000
<b>2</b>	<b>Sản lượng sản phẩm chủ yếu</b>	<b>Kg</b>	83.050.000	91.350.000	100.450.000	110.500.000
2.1	Bột mì	“	53.000.000	58.450.000	64.500.000	71.000.000
2.2	Cám mì	“	18.000.000	19.800.000	21.500.000	23.700.000
2.3	Lúa mì	“	2.000.000	2.200.000	2.400.000	2.600.000
2.4	Nguyên liệu thức ăn gia súc	“	4.000.000	4.300.000	4.750.000	5.200.000
2.5	Nông sản	“	4.050.000	4.400.000	4.800.000	5.300.000
2.6	Gạo cung ứng xuất khẩu	“	2.000.000	2.200.000	2.500.000	2.700.000
<b>3</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Trđ</b>	530.000	583.000	641.300	705.400
3.1	Bột mì	“	376.300	414.000	455.600	501.000
3.2	Cám mì	“	84.600	93.000	102.300	112.000
3.3	Lúa mì	“	11.400	12.500	13.500	15.200
3.4	Nguyên liệu thức ăn gia súc	“	38.080	41.900	46.000	50.600
3.5	Gạo cung ứng xuất khẩu	“	15.500	17.100	18.900	20.800
3.6	Nông sản khác	“	355	400	500	600
3.7	Doanh thu dịch vụ	“	2.965	3.200	3.480	4.070
3.8	Doanh thu khác, thu nhập khác	“	800	900	1.020	1.130
<b>4</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tr đ</b>	528.700	574.530	631.980	695.150
<b>5</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>Trđ</b>	503.800	547.170	601.300	661.400
5.1	Bột mì	“	355.100	385.500	424.000	466.000
5.2	Cám mì	“	84.600	92.000	101.000	111.000
5.3	Lúa mì	“	10.800	11.500	12.700	13.800
5.4	Nguyên liệu thức ăn gia súc	“	37.550	41.000	44.600	49.000

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
5.5	Gạo cung ứng xuất khẩu	“	15.400	16.800	18.500	20.300
5.6	Nông sản khác	“	350	370	500	1.300
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận gộp về BH và CCDV</b>	“	26.200	35.830	40.000	44.000
7	Doanh thu tài chính	“	600	650	720	780
8	Chi phí bán hàng	“	6.000	6.600	7.400	8.200
9	Chi phí QLDN	“	10.000	11.000	12.360	13.600
10	Chi phí tài chính	“	8.300	9.100	10.200	11.150
11	Thu nhập khác	“	200	250	300	350
12	Chi phí khác	“	600	660	720	800
<b>13</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	“	1.300	8.470	9.320	10.250
<b>14</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	“	1.040	6.776	7.456	8.200
<b>15</b>	<b>Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)</b>	%	-	2,0%	2,2%	2,4%
<b>16</b>	<b>Lao động bình quân (người)</b>	Người	160	165	170	170
<b>17</b>	<b>Thu nhập bình quân (đ/người/tháng)</b>	Đồng	5.800.000	6.090.000	6.520.000	7.040.000

Kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty sẽ được đệ trình và do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 3.3 Kế hoạch xây dựng cơ bản

Hiện tại, Công ty đang vận hành 03 dây chuyền sản xuất Bột mì của hãng Buhler, HBA với tổng công suất 440 tấn/ngày, trong đó dây chuyền số 3 mới được đầu tư và đi vào vận hành từ năm 2013 và đang đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất của Công ty. Do đó, trong tương lai, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch tiếp tục đầu tư, nâng cấp dây chuyền sản xuất khi nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tăng nhanh và nguồn lực đầu tư cho phép. Trong đó, tập trung vào việc đầu tư thêm các Silo chứa nguyên liệu tại nhà máy Bột mì Hưng Quang (hiện nay chưa có), nhà máy Bột mì Bảo Phước và xây dựng các kho bảo quản thành phẩm đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng cao.

### 3.4 Kế hoạch tài chính

Là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh lâu năm trong ngành, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ tín dụng uy tín đối với các Ngân hàng. Các hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu được tài trợ bởi các Ngân hàng thương mại. Khi có nhu cầu về nhập khẩu để sản xuất, Công ty sẽ lên kế hoạch tài chính, bên cạnh nguồn vốn tự có sẽ bổ sung thêm vốn huy động từ nguồn: các tổ chức tín dụng; các cổ đông, khách hàng, nhà cung cấp (*ứng trước tiền hàng, hàng đổi hàng*)...và huy động từ những nguồn nhân rộng hợp pháp khác (*cán bộ công nhân viên, ...*) bảo đảm cân đối kịp thời, đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển. Tuy nhiên để nâng cao năng lực tài chính, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch tăng vốn ở thời điểm thích hợp để



có nguồn vốn chủ động nhập khẩu nguyên liệu và đầu tư xây dựng cơ bản.

#### **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2017-2019 đã đề ra, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 sẽ chủ động xem xét đánh giá cải tổ lại công tác tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý để hoạt động thực sự mang lại hiệu quả. Các nhóm giải pháp đưa ra gồm:

##### **1. Giải pháp về sản phẩm và thị trường:**

Trong giai đoạn sắp tới, Công ty tập trung triển khai các nhóm biện pháp và hoạt động cụ thể như sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường phù hợp với năng lực của Công ty trên lĩnh vực hoạt động cụ thể, trong đó tập trung vào lĩnh vực chính là: sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, bột mì và các loại sản phẩm từ bột mì.
- Hoàn thiện cơ sở về vật chất, khép kín chuỗi sản xuất từ các Silo chứa nguyên liệu, Nhà máy sản xuất và Kho bảo quản để phòng tránh mối mọt, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của Công ty, phấn đấu giảm thời gian lưu kho từ bình quân 60 ngày sản xuất xuống 50 ngày. Tổ chức lại công tác quản lý sản xuất tại 02 nhà máy tại thành phố Vinh (Nghệ An) và Hải Phòng theo hướng độc lập, tự chủ trên cơ sở giao kế hoạch sản xuất, khoán chi phí nhằm đảm bảo phát huy tính chủ động, sáng tạo của người lao động nhằm mục tiêu thi đua, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất;.
- Tập trung tiết giảm chi phí trên mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm túc các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm tối đa các chi phí quản lý; Tập trung cải cách các thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thông tin điều hành được xử lý kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả. Quán triệt vai trò trách nhiệm của cán bộ, nhân viên, tăng cường quản lý giờ lao động, bố trí nhân lực phù hợp, đúng người, đúng việc tạo điều kiện để lao động phát huy tối đa khả năng.
- Tranh thủ sự hỗ trợ của Bộ NN& PTNT, Tổng công ty Lương thực miền Bắc trong thực hiện chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ kinh tế - chính trị của công ty. Nắm bắt kịp thời những thông tin về chiến lược, định hướng, để giành lợi thế trong việc cạnh tranh.
- Xây dựng hệ thống chính sách khuyến mại hấp dẫn, đào tạo đội ngũ cán bộ kinh doanh có năng lực, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, đa dạng hoá sản phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty đến gần hơn với người tiêu dùng nhằm đón đầu xu hướng ngày càng tăng nhu cầu sử dụng các sản phẩm bột mì trong nhân dân. Dự kiến sẽ tăng cường đội ngũ nhân viên chăm sóc khách hàng từ 4 người (2016) lên quy mô 10 người (2018).
- Nghiên cứu và đánh giá tính khả thi của các phương án đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất để đa dạng hóa sản phẩm như bột mì để sản xuất bánh tươi, bánh kẹo cao cấp....
- Thúc đẩy hoạt động bán lẻ tới các hộ tiêu dùng. Phát triển mới thị trường các tỉnh miền Trung từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế, tìm kiếm đối tác kinh doanh và mở rộng thị trường cung cấp bột mì và các sản phẩm từ bột mì không chỉ giới hạn phạm vi trong nước. Nghiên cứu khả năng phát triển thêm ngành nghề kinh doanh có liên quan đến bột mì trong thời gian tới nhằm tạo ra chuỗi giá trị khép kín.

## **2. Giải pháp về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ**

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý khoa học công nghệ, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có năng lực để phụ trách việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và sản xuất của Công ty;
- Xây dựng hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Nghiên cứu, tiếp cận, chuyển giao và sử dụng thành thục các loại công nghệ tiên tiến trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **3. Giải pháp về tài chính, vốn**

- Tiếp tục đánh giá lại tình hình tài chính, vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó có kế hoạch sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí. Những tài sản không cần dùng sẽ thanh lý, chuyển nhượng để thu hồi vốn hoặc đầu tư cho hoạt động khác có hiệu quả hơn.
- Nâng cao hiệu quả công tác tài chính để đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư thiết bị; cơ cấu lại nguồn vốn trung, dài hạn hợp lý. Tìm kiếm, vận động các nguồn vốn vay tín dụng nhằm phát huy hiệu quả của đòn bẩy tài chính kết hợp các nguồn tiền từ khấu hao, quay vòng vốn do thu hồi nhanh công nợ, giảm tồn kho trong thời gian tới để giảm chi phí vay ngân hàng
- Tổ chức lại công tác kế toán theo hướng gọn nhẹ, hợp lý và có hiệu quả; Theo dõi và quản lý chặt chẽ các khoản chi phí; Lập báo cáo đầy đủ và đúng hạn; Quản lý sát sao các khoản công nợ phải thu của khách hàng, phấn đấu giảm thời gian thu hồi công nợ từ bình quân 40 ngày xuống 30 ngày; Sử dụng hiệu quả các công cụ tài chính nhằm tăng sức mạnh tài chính; Tiết kiệm các khoản chi phí tài chính... góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

## **4. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp**

- Trên cơ sở Điều lệ được thông qua, Công ty sẽ hoàn thiện các Quy chế, Quy trình nghiệp vụ phù hợp với các quy định của Nhà nước và pháp luật theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện chủ động, phát huy tính sáng tạo của các bộ phận quản lý và đơn vị trực thuộc. Trong đó, Công ty sẽ ưu tiên xây dựng quy chế trả lương và quy chế quản lý tài chính nội bộ. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy của Công ty; Tiếp tục bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi phối, phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước và phù hợp với cơ chế thị trường.
- Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao. Kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.
- Thực hiện khoán sản xuất và áp dụng các tiêu chí đánh giá hiệu quả làm việc mới.
- Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm đảm bảo công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty được tổ chức chặt chẽ, minh bạch, xác định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh nhằm tạo điều kiện phát huy hết tính tự chủ, sáng tạo, dám làm dám chịu của các nhân tố trong quá trình tổ chức hoạt động của đơn vị.

– Xây dựng và phát triển một nền văn hóa doanh nghiệp có hệ thống các giá trị cốt lõi tạo được động lực thúc đẩy mọi người làm việc, hạt nhân liên kết mọi người trong doanh nghiệp với nhau, liên kết doanh nghiệp với khách hàng, đối tác của doanh nghiệp, liên kết doanh nghiệp với xã hội, góp phần phát triển thương hiệu, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

## **5. Giải pháp về đầu tư phát triển sản xuất**

– Tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt, hoạt động có hiệu quả, có tiềm năng và lợi thế lớn. Lập kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị hướng tới mục tiêu nâng cao trình độ công nghệ, mở rộng sản xuất, mở rộng thị phần.

– Rà soát nguồn lực hiện có (thiết bị, công nghệ, đất đai,...), xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có.

– Thường xuyên vệ sinh dây chuyền, máy móc sản xuất đảm bảo an toàn sản xuất theo các tiêu chuẩn cao nhất.

– Tìm kiếm các giải pháp về sản phẩm và thị trường trong lĩnh vực sản xuất, chế biến bột mì và các sản phẩm từ bột mì. Phấn đấu xây dựng được dòng sản phẩm khẳng định vị thế của Công ty Bột mì Vinafood 1 trên thị trường.

## **6. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

– Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ, công tác lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển Công ty. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đầu ngành, đảm bảo đủ nhân lực chất lượng cao có khả năng về chuyên môn và ngoại ngữ để có thể đáp ứng được yêu cầu trong lĩnh vực. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá nhân sự, thường xuyên tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý theo từng thời kỳ. Sau khi chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần, Ban lãnh đạo Công ty sẽ thực hiện rà soát lại nguồn nhân lực hiện có, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch chi tiết việc bố trí nhân sự đảm bảo tính kế thừa có bổ sung nhân tố mới nhằm khai thác có hiệu quả hơn nguồn nhân lực của đơn vị.

– Lập kế hoạch bố trí cán bộ tham dự các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn, cử cán bộ kỹ thuật tham dự các khoá học chuyên sâu về chế biến bột mì... nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng; Xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý nhằm thu hút nhân lực có chuyên môn phù hợp để tăng cường công tác quản lý sản xuất của đơn vị;

– Hoàn thiện cơ chế chính sách động viên, khuyến khích có hiệu quả đối với người lao động; Xây dựng cơ chế đánh giá, bổ nhiệm, đãi ngộ khoa học, công khai, minh bạch tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái nhằm phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút được nguồn nhân lực từ bên ngoài. Hằng năm, tiến hành bố trí, sắp xếp lao động một cách hợp lý theo đúng quy định và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong đó, những lao động có tinh thần trách nhiệm cao, gắn bó với doanh nghiệp, lao động đã mua cổ phần tại Công ty đồng thời là cổ đông của Công ty sẽ được ưu tiên hơn khi Công ty thực hiện các chính sách lao động.

– Không ngừng nâng cao thu nhập đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động: Đảm bảo có chính sách tiền lương phù hợp, đáp ứng được những nhu cầu chính đáng của

người lao động để duy trì đội ngũ lao động có trình độ năng lực và tâm huyết; thực hiện việc phân phối tiền lương công bằng theo hiệu quả công việc, sự cống hiến của người lao động và phù hợp với điều kiện thị trường.

## **V. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN**

Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 xây dựng dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

*(Bản Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty kèm theo Phương án cổ phần hóa được kèm theo Phương án tại Phụ lục số 02).*

## **VI. NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

### **1. Khó khăn của đợt chào bán**

Thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố như tình hình kinh tế vĩ mô, nhu cầu của các Nhà đầu tư, tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cơ cấu cổ phần chào bán lần đầu... Trong trường hợp các Nhà đầu tư không thực hiện mua hết số cổ phần chào bán lần đầu, Công ty sẽ xin điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ, chờ thời điểm thích hợp báo cáo cấp có thẩm quyền tiếp tục chào bán để thực hiện cơ cấu vốn theo Phương án đã được phê duyệt.

### **2. Khó khăn do cơ chế, chính sách chuyển đổi doanh nghiệp**

Trong thời gian ngắn, Chi nhánh Bột mì Vinafood 1 đã thực hiện việc chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH MTV và thực hiện cổ phần hóa, do đó Công ty cần có thời gian để thích ứng với mô hình hoạt động mới và hoàn tất các thủ tục khác có liên quan khi chuyển đổi như: chính sách về lao động, chuyển quyền sở hữu tài sản, bàn giao giữa DNNN và Công ty cổ phần...

### **3. Khó khăn khác**

Ngoài một số khó khăn kể trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

## PHẦN III

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

#### I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty sẽ tiếp tục triển khai các công việc sau:

##### 1. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa:

###### 1.1 Bán cổ phần

- Tổ chức bán đấu giá cổ phần:
  - + Thành lập Hội đồng đấu giá và ban hành quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu;
  - + Công bố thông tin (trên 3 số báo liên tiếp của 1 tờ báo Trung ương và 1 tờ báo thuộc thành phố Hà Nội);
  - + Tổ chức bán đấu giá và báo cáo kết quả đấu giá;
- Tổ chức bán cổ phần cho các cán bộ công nhân viên; Thu tiền và trả tiền đặt cọc;
- Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban Chỉ đạo và đề xuất phương án xử lý cổ phần không bán hết (nếu có).

###### 1.2 Báo cáo Tổng công ty về phương án nhân sự Công ty cổ phần

#### 2. Hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần

##### 2.1 Tổ chức đại hội đồng cổ đông lần đầu và đăng ký doanh nghiệp

- Chuẩn bị tài liệu và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức hiệp thương nhân sự;
- Tổ chức đại hội đồng cổ đông lần đầu;
- Đăng ký doanh nghiệp.

##### 2.2 Tổ chức quyết toán, bàn giao giữa doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần

- Lập báo cáo tài chính, quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, quyết toán chi phí cổ phần hóa;
- Tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần;
- Tổ chức ra mắt và thực hiện bố cáo chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

#### 3. Đăng ký giao dịch và niêm yết

Sau khi chính thức trở thành công ty cổ phần, doanh nghiệp sau chuyển đổi sẽ thực hiện nội dung được quy định tại Thông tư 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết, theo đó: tiếp tục hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng khi đủ điều kiện, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán

và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM hoặc niêm yết (nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện) theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **II. KIẾN NGHỊ**

1. Để quá trình cổ phần hoá thành công và giúp doanh nghiệp nhanh chóng đi vào hoạt động ổn định, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 kính đề nghị Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 và Tổng công ty Lương thực miền Bắc có ý kiến phê duyệt phương án cổ phần hóa theo hình thức, quy mô và cơ cấu vốn điều lệ doanh nghiệp đã cân nhắc và lựa chọn phù hợp với chủ trương định hướng của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển ổn định lâu dài sau khi chuyển thành công ty cổ phần.

2. Trong trường hợp không bán hết cổ phần theo phương án, kính đề nghị Tổng công ty Lương thực miền Bắc xem xét, báo cáo chủ sở hữu điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chủ trương cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 được thực hiện thành công.

Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 kính đề nghị Ban Chỉ đạo cổ phần hóa xem xét, trình Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1./.

### ***Nơi nhận:***

- Tcty LTMB;
- Ban CĐ CPH;
- Tổ GV BCD;
- HĐTV Cty;
- KSV Cty;
- Công đoàn Cty;
- Lưu: TCKT, VT.

**GIÁM ĐỐC**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Xuân Lợi**